

VĂN HỌC Nghệ thuật

SÁNG TÁC ● NHẬN ĐỊNH

TRONG SỐ NÀY :

NGUYỄN PHƯƠNG : CUỘC HÀNH
QUYẾT NGƯỜI KHÔNG CHỊU LÀM
BÙ NHÌN ● VÕ ĐÌNH : TRƯỜNG
HỢP KUNIYOSHI ● ĐĂNG KHOA:
ẢO MƠ ● NGUYỄN LƯƠNG : TU
HỦ TRÊN RỪNG SIM ● TỊNH CƠ :
TƯƠNG NHƯ ● LÊ NGỌC HỒ :
TRÙNG DƯƠNG NỔI NHỚ ●
NGUYÊN VŨ : NGÀY RỜI EAU
CLAIRE ● NGUYỄN QUI NHƠN :
NGÀY TA THÀNH MÂY ● HUY
LỰC : TÀ ÁO VIỆT NAM ● LÊ
THỊ HUỆ : CẢNH HOA TRƯỚC
GIÓ ● TRẦN BÍCH TIỀN : NÓI
VỚI EM LỚP SÁU ● HOÀNG VŨ
D.V. : THƠ CAO TẦN ● THỜI SỰ
VĂN NGHỆ ● THỜI SỰ CHÍNH TRỊ

Số 12

NĂM 1979

tạp chí văn nghệ đầu tiên của người việt hải ngoại

VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

Chủ nhiệm: Vô - Phiên

Chủ bút: Lê - tất - Điều

Giám đốc trị sự: Trần-đình-Long

Địa chỉ' mới của Tòa soạn :
P.O. Box 486, Westminster, Ca. 92683 USA.
Điện thoại : (714) 897-2476

MỤC LỤC

NHẬN ĐỊNH

Trường hợp Kuniyoshi

Vô-Đĩnh 3

Kẻ không chịu làm bù nhìn

Nguyễn Phương 17

SÁNG TÁC

Ngây rồi Eau Claire

Nguyễn Vũ 22

Tưởng như

Tịnh Cơ 26

Trùng đường nối nhớ

Lê ngọc Hồ 27

Cánh hoa trước gió

Lê thị Huệ 28

Tu hủ trên rừng sim

Nguyễn Lữ 46

Ngây ta thanh mây

Nguyễn Quỳnh 48

Ao mơ

Đặng Khoa 49

Tà áo Việt nam

Huy Lực 56

TÌM HIỂU

Chữ nổi.

Văn Chởng 57

VĂN CŨ QUÊ XƯA

Nói với em lớp sáu

Trần Bích Tiên 64

THỜI SỰ

Sách Việt hải ngoại

Hoàng Vũ Đ. V. 68

Thời sự văn hóa

Thạch Tâm

và Tống Quân 82

Thời sự chính trị

Hồ Bạch Vôn 89

PHỤ BẢN

trường hợp

KUNIYOSHI

Suzume-no-ko sokonoke sokonoke ouma ga toru
ISSA *

Trong Văn Học Nghệ Thuật số 5 (tháng 8/1978) có một bài “nói chuyện” về “hội họa Việt nam ở hải ngoại”. Bài “nói chuyện” đã đề cập đến nhiều vấn đề, giải thích một hai thắc mắc, trình bày một số thực trạng, đặt ra vài ba câu hỏi. Nghi vấn thì nhiều, giải đáp lại lơ là. Cố nhiên, trong khuôn khổ một bài như vậy, không thể đi xa, đi sâu.

Những kích thước eo hẹp của bài báo ngắn không phải là lý do duy nhất. Lý do chính yếu là có những câu hỏi không cần có trả lời: câu hỏi đã là một thứ trả lời. Bởi chẳng thực trạng văn hóa là một thực trạng sống động, uyển chuyển, một cơ thể có thể là bạc nhược, có thể là tráng kiện, nhưng vẫn là một cơ thể với những cứu cánh

tôi hậu của nó, nó phải tranh đấu để tồn tại và nảy nở. Bài học của quá khứ, vì thế, tự nó đã tiềm tàng bước tiến của tương lai.

Bài “nói chuyện” có nhắc đến vấn đề *thành công* (hay thất bại) của họa sĩ Việt nam (có thể hiểu rộng hơn, của nghệ sĩ Việt nam nói chung) ở ngoại quốc, đặc biệt ở các nước Tây phương. Cái đó dễ hiểu: họa sĩ ta, hoặc đã rời quê hương trước 1975, hay mới sau đó, hiện đang sống một cuộc sống rất truân chuyên. Như gần hết mọi người khác, họ phải thường xuyên đương đầu với đời sống nơi đất khách quê người, với cuộc áo cơm nheo nhóc. Ngoài ra, những kẻ vẫn còn loay hoay (và kiêu hãnh) không ngừng với cái thực thể Việt nam trong thân xác và tâm hồn họ, còn phải tận dụng triệt để khả năng để câu tạo nên những tác phẩm xứng đáng đối với chính họ, đối với nền văn hóa của ông cha, đối với tiêu chuẩn thế giới.

Khá lâu trước khi chúng ta, những nghệ sĩ Việt nam, đến Hoa kỳ đã có nhiều nghệ sĩ ngoại quốc lưu lạc tới đây. Hoàn cảnh có khác nhau, không gian thời gian có khác nhau, nhưng sự kiện một nghệ sĩ từ xa đến đây chung qui vẫn có những động cơ và diễn biến tương tự. Người viết có hai mục đích. Trước hết để bạn đọc, không những chỉ các bạn họa sĩ mà nói chung, nghệ sĩ trẻ có thể lấy đó làm một dấu mốc, một điểm tựa, để đi đến những nhận định, những giải pháp riêng tư (riêng tư chứ không lẻ loi). Sau nữa, đây cũng là một nén hương lòng thắp lên để nhớ kẻ đi trước.

Hôm nay, chúng ta hãy nói chuyện về Kuniyoshi tiên sinh.

Y A S U O

Trong số những họa sĩ lớn nhất của Nhật bản từ xưa tới nay, có tối thiểu hai người đồng tánh. Họa sư Utagawa Kuniyoshi (1798-1861) được biết đến nhất qua những hình ảnh thần tượng tráng sĩ “uy phong lâm lâm”, những bức họa quý sú và ma quái rùng rợn. Nhưng Utagawa là

người của thế kỷ trước. Người chúng ta nói đến hôm nay là Yasuo Kuniyoshi, sinh vào thập niên cuối cùng của thế kỷ 19 (1893). Thế kỷ 20 bắt đầu thì Kuniyoshi đúng 7 tuổi. Đó là một cú điểm thời gian đáng ghi nhớ.

Năm 1960, họa sư Asai Chū (s. 1856) lên đường đi “tu nghiệp” tại Pháp. Minh-Trị Mỹ-Thuật Hiệp-Hội, tổ chức văn hóa đầu tiên của Nhật bản với mục đích học hỏi và truyền bá hội họa theo đường lối Tây phương, đã được thành lập 11 năm về trước dưới sự lãnh đạo của Chū. Hai năm sau, 1902, Chū hồi hương, đem theo những họa phẩm đã sáng tác tại Âu như “*Chiếc Cầu Ở Grez*”. Chúng ta có thể quả quyết rằng Kuniyoshi chưa từng thấy những tranh “Nhật” phảng phất hương vị Barbizon này. Lý do dẫn dị: cậu Yasuo còn bé quá. Cũng trong năm đó, Hishida Shunso (1874-1911) vẽ bức “*Chiều Quên Công Hồ*”, một thứ Yamato-e mới, có ảnh hưởng một tí nào lối nhìn tân thời ba chiều nhưng đã mất khá nhiều cái phong vị nhí nhảm sắc bén của các trường phái cũ.

Một trong những họa sĩ tiền bối thuở ấy mà ảnh hưởng Tây phương cũng rõ rệt, hay còn rõ rệt hơn ở Asai Chū là Kuroda Seiki. Ngày nay nhìn tranh Seiki, nếu dấu tên đi, ta có thể tưởng là một thứ Ấn-tượng-họa hạng tư. Cũng núi, cũng nước, cũng người đẹp (*bijin-ga*: mỹ-nhân-họa). Nhưng chỉ có từng ấy thôi. Nhật tính không còn nữa là bao. Phải đợi đến năm 1908-09, Fujishima Takeji, đã từng du học ở Ba-lê, La-mã, mới vẽ bức *Bờ Hồ*. Họa phẩm đó làm chúng ta nghĩ đến Corot (Pháp), một thứ Corot ngang tàng hùng dũng hơn, nhưng cũng không tế nhị, tinh vi bằng Corot chính hiệu. Trong lịch sử hội họa Nhật bản, bức Takeji này có lẽ (đây là ý kiến riêng của người viết) là tác phẩm xử dụng bút pháp Tây phương một cách vững vàng, thành công nhất. Nhưng khổ thay (hay may thay !), năm ấy, Yasuo Kuniyoshi đã rời quê.

Yasuo đã rời quê hương Phù-Tang lúc mới 13 tuổi (1906). Không biết cậu bé 13 tuổi, khi ra đi nhìn lại, nhớ đến mỹ thuật nước nhà thì nhớ nhất đến ai, đến họa phẩm nào. Một thứ *văn-nhân-họa* lối thời ? Hay một thứ *Kano*

(có tính cách trang trí đài các hơn) mà không còn lãnh chúa nào “bảo trợ” nữa ? Hay là một thứ Theodore Rousseau, một thứ Corot, một thứ Manet Viễn-đông, dầu có tài tình mấy đi nữa cũng không phải là thứ thiệt ? Nhìn lui thì thấy lỗi thời. Nhìn tới chỉ thấy một con đường mờ mịt. Cậu bé phân vân chằng ?

Người viết nghĩ rằng cậu bé chằng phân vân gì cả. Bởi lẽ cuối triều Minh-Trị, một cậu bé 13 tuổi làm gì có cơ hội quan sát và nhận định một nền hội họa đang lúc giao thời ! Ta lại còn có thể nghĩ rằng nếu cậu đã có lúc ngắm xem, nghiền ngẫm tranh thì chắc đó chỉ là tranh *lối cổ*, theo kiểu Trung Hoa *Kara-e*) nhấn mạnh: tranh *lối cổ*, chứ không phải *tranh cổ*). Mặc dầu sinh trước Kuniyoshi đến 12 năm (1881), Picasso lúc 13 tuổi đã có một kiến thức rộng rãi, một tâm mắt sắc bén kỳ lạ, và tranh ông ở tuổi đó đã chứng minh điều đó. Không những Picasso là... Picasso, mà còn là con yêu của một giáo sư Mỹ Thuật với một tài năng không phải là không đáng kể, mà còn là một kẻ sinh trưởng ở Tây Âu, với những trường phái, những tìm kiếm, những khám phá chằng cuối thế kỷ 19.

Cứ nghĩ đến cậu bé Nhật bản 13 tuổi, một thân một mình, “bước chân xuống thuyền, nước mắt như mưa”, mà không thể không thương. Lloyd Goodrich, sau này đã từng làm Giám Đốc Bảo-Tàng-Viện Whitney của Hội-Họa Hoa kỳ, khi viết về Kuniyoshi đã nói rằng tiên-sinh xuất thân từ một “gia đình thương nghiệp khiêm tốn”. Nhưng một người, yêu tranh Kuniyoshi không kém gì Goodrich, có lẽ còn hơn nữa, ông Atsuo Imaizumi, năm 1954 làm Phó-Giám-Đốc Viện Bảo-Tàng Mỹ-Thuật Quốc-gia tại Đông kinh, đã nhẹ nhàng đính chính: “thương nghiệp khiêm tốn”, văn vẻ quá ! Theo Imaizumi, ông cụ thân sinh ra Kuniyoshi nghèo lắm, chuyên bán hạt dẻ, sau túng bán phải đẩy xe bán rong. Chưa hết, Imaizumi còn tiết lộ: khi đi Mỹ, Kuniyoshi mới 13 tuổi ? Còn khuya ! Sau này, người Nhật chúng tôi khám phá ra là cậu ta đã 18 tuổi khi xuống tàu. Trốn lính Thiên-Hoàng đấy ă.

Nhà nghèo, học xong Tiểu học, Kuniyoshi vào trường Kỹ Nghệ học... dệt và học nhuộm. Vốn liếng mỹ thuật có gì đâu, ngoài công trình đồ chép lại rai một vài hình ảnh trong sách. Học nghề chưa xong, Kuniyoshi cắt ngang, đi Mỹ. Không rõ khai gian là 13, thay vì 18, Kuniyoshi đã đi Mỹ như thế nào, ăn làm sao, nói làm sao? Chỉ biết Kuniyoshi đi được. Và Imaizumi quả quyết Kuniyoshi đi để tìm sinh kế, hẳn để có ngày giúp đỡ gia đình. Còn khuya mới nghĩ đến chuyện ra đi để tìm một chân trời mỹ thuật mới, một thế giới tự do hơn, cho thỏa chí tang bồng!

Đến Los Angeles (1906), Kuniyoshi xin việc làm đường hỏa xa, rồi mùa đông thì xách hành lý tại các khách sạn, mùa hè thì đi cày đi cuốc tại các nông trại xa ngoài thị trấn. Ban đêm, cậu ghi tên vào học tại Los Angeles School of Art and Design. Bốn năm sau (1910), Kuniyoshi khăn gói làm một chuyên Đông tiến, rồi định cư tại New-Uớc.

(Người viết cũng xin ghi, để có cú điểm thời gian mà nhận định: từ 1905 trở đi, đến mười mười lăm năm sau, cũng là thời gian những họa sĩ Việt nam, thế hệ Mỹ Thuật Hà Nội, sinh ra đời. Các họa sĩ Tô Ngọc Vân, Lê Phổ, Nguyễn Đỗ Cung, Mai Trung Thứ, Lương Xuân Nhị, Nguyễn Tường Lân, v.v...)

HAI MƯỜI LĂM NĂM VIỄN XÚ

Năm 1906, Kuniyoshi đến Nam California. Hai mươi lăm năm sau (1931), được tin cha già ốm nặng, liền vội vã hồi hương. Đó là lần thứ nhất quay về Nhật bản! Trong 25 năm ấy, Kuniyoshi đã vượt qua những thử thách nào, đã gặt hái những kết quả nào, đã khổ đau, ân hận, đã an lạc với những nỗi niềm riêng tư nào? Cái đó khó biết rõ. Kuniyoshi không phải là Lautrec, là Cézanne, là Picasso. Lautrec nhậu nhẹt đến thỏa ra sao. Cézanne buổi trưa ăn cơm uống mấy cốc rượu, Picasso không uống rượu, chỉ uống nước suối, chúng ta biết. Với Kuniyoshi, chúng ta

chỉ biết đến Nữ Ước, Kuniyoshi tìm được đất dụng võ. Cánh trai 17 tuổi (theo Goodrich), hay 22 tuổi (theo Imaizumi, đáng tin hơn) theo học với K.H. Miller, ghi tên ở xưởng vẽ Henri, gặp các bạn đồng môn như Stuart Davis, Alexander Brook, Reginald Marsh... Và năm 1922 (29 tuổi), triển lãm một mình (one-man exhibition) lần đầu tiên tại Daniel Gallery. Chật vật thế nào không rõ, thu xếp đi Âu châu được một chuyến năm 1925, rồi một chuyến nữa ba năm sau. Và cố nhiên, hội họa Pháp, Utrillo, Picasso, Soutina, đã đem lại cho Kuniyoshi những bài học và xúc cảm sâu đậm. Được tin cha già ốm nặng (trong thời gian xa cách, vẫn có thư đi từ lại thường xuyên, kèm theo cái tấm ảnh, cái chi phiếu...) Kuniyoshi lật đật hồi hương. Nhật báo lớn Mainichi tổ chức một triển lãm lớn cho đứa con thành tài. Học viện Carnegie trao Giải Thưởng Danh Dự. Năm sau về lại Mỹ thì được tin cha mất.

Đó là một mốc thời gian quan trọng: từ nay, Kuniyoshi hoàn toàn là một con người thực sự “trưởng thành” độc lập, *Con* đã lớn, và *Cha* đã mất, hiểu theo kiểu Jung. Hai mươi lăm năm đó là thời gian uốn nắn cấu tạo nên họa sĩ Kuniyoshi với tầm thước của một nghệ sĩ quốc tế. Năm 1932, Kuniyoshi mất cha, “mất” vợ (ly dị Katherine Schmidt, một bạn đồng học tại Art Students League), vẽ bức *“Con Hồ Đồi Chối và Những Thú Linh Kinh Khác”*.

Chúng ta chỉ cần nói rằng từ 1932 về trước, Kuniyoshi đã *cấu tạo nên được một bút pháp riêng biệt của mình*. Bút pháp đó mang nặng tính cách quốc tế (Mỹ, Pháp). Nhưng nếu đem nó so sánh với bút pháp của những kẻ đồng thời còn ở lại Nhật và sáng tác với vải và sơn dầu (như Kishida Ryusei, Saeki Suzo, như Koide Narashige, Nakamura Isune, như Yorozu Tetsugoro) thì không ai phủ nhận được sự kiên tụy Kuniyoshi “tân thời” hơn, nhưng vẫn là “Nhật bản”, vẫn là “Phù Tang” hơn. Đó là một sự mâu thuẫn, không phải là một sự vô lý. Lẽ cố nhiên trong thời gian Kuniyoshi ở Mỹ, đi Pháp, còn có vô số đồng nghiệp ở Nhật vẫn tiếp tục đường lối *Kara-e* (Hoa), hay *Yamato-e* (Nhật), hay cổ điển Tàu (*Văn-nhân-họa*).

Nhưng không đời nào chúng ta lại đem Kuniyoshi đi so sánh với những người ấy. Hội họa truyền thống Nhật bản sau triều Minh-Trị, đối với kẻ viết bài này, thực chẳng khác chi hội-họa đời nhà Minh bên Trung Hoa cho lắm. Có những họa sử lỗi lạc, có những tác phẩm xuất chúng, rất đáng kính, đáng yêu. Nhưng vẫn là một thứ nhai lại tuyệt vời những chất liệu của Đường, của Tống, của Nguyên. Trong khi ấy, những kẻ trông vời sang Âu Mỹ, cầm bút lông cũng nhúng sơn dầu vẽ lên vải thô, lại chưa thấy hết vấn đề.

Chỉ ở Kuniyoshi mới có một cái nhìn độc đáo: đó là cái nhìn của một kẻ luôn luôn cầm kim chích vào đùi để khởi thiếp ngủ. Cái nhìn đó được thể hiện trên mặt vải bằng những vạt lớn, thực tối, thực sáng, những nét sắc cạnh như nét dao chém. Đó là một nỗi thao thức chấp chùng, một nỗi thao thức vừa mơn trớn vừa liêu lĩnh, vừa bông bột vừa khắc khổ. Và cái nhìn đó còn một tính chất đặc biệt khác hiếm có ở một nghệ sĩ gốc Á tại Mỹ: hoặc bộc phát từ tiềm năng vô thức Nhật bản, hoặc ảnh hưởng thâm nhận từ cảnh trời nước bao la "nguyên thủy" ở Mỹ quốc, tác phẩm Kuniyosh trước 1931-32 tuy là một nghệ thuật "tân thời" lại mang nặng một dị chất "man rợ", "sơ khai", một tính "primitive" độc đáo. Dị chất đó đã đành là không dính dáng gì với cái man rợ có dụng tâm, kiểu cách, của một Kokoshka (Áo), một Munch (Na-Uy), một Nolde (Đức), một Soutine (Lithuania-Pháp), một Permeke (Bỉ), hay ngay đến một Picasso (Tây-Ban-Nha-Pháp). Trong cái "man rợ" của Kuniyoshi có một sự chiêm bái thiên nhiên chân thành, một niềm tin căn ở thiên nhiên vạn năng vạn lực mà ta chỉ thấy ở một Sesshū hay một Sesson tử triều Ashikaga của thế kỷ 15 ở Nhật bản. Nhưng thay vì một thiên nhiên uy nghi lẫm liệt của hai vị họa thánh đó, thiên nhiên Kuniyoshi bàng bạc một nỗi quanh quẽ bao la, không hẳn là u sầu, nhưng cũng không thể gọi là u tráng được.

TỬ THẬP CHI BẮT HOẶC ?

Tình trạng dần dần biến dạng trong thời gian Kuniyoshi ở Âu Châu về (1918), rồi đi Nhật về (1932). Từ đó cho đến đầu thập niên 40, đến cuộc gia nhập Đế Nhị Thế Chiến của Hoa kỳ, Kuniyoshi chuyển hướng rõ rệt. Ảnh hưởng sâu sắc của nghệ thuật và kỹ thuật sơn dầu ở Âu Châu lôi kéo Kuniyoshi ra khỏi vũ trụ ảo tưởng mà trong một thập niên, từ ngày mỗi bước chân vào nghệ, trưng bày một lần thứ nhất (1922), tiên sinh đã ngâm mình một cách say đắm lặng lẽ. Tranh Kuniyoshi vững chắc hẳn lên, một nghệ thuật có thực chất, gần như một nghệ thuật trực tiếp của xúc giác. Thay vì phong cảnh tưởng tượng, Kuniyoshi quay về tĩnh vật, vẽ những đồ vật tầm thường hàng ngày: cái ghế, tờ báo, cái lò, quyển sách. Thay vì vẽ những người đàn bà có tính cách chung chung, một thứ E-và, một thứ tượng trưng cho nguyên tắc Âm hay Nữ, Kuniyoshi dùng ngòi bút vượt vẽ, moi xói, vồ vể những thiếu phụ đáng dấp dầy đã khỏe mạnh nhưng lại có vẻ ẻo lả chán chường, trang phục xuê xòa hở hang, từ mái tóc đến ngón chân tràn trề một thứ tình dục man dại. Tuy man dại nhưng nhục tính của Kuniyoshi vẫn có một cái gì vĩ đại vững vàng, không bệnh hoạn như chúng ta thấy ở Pascin, không khinh miệt như ở Grosz.

Những ảnh hưởng Tây Âu đó không kéo dài. Thay vì vận dụng triệt để lý trí và óc giải tích đến cùng độ, hoặc xem màu sắc, đường nét, bố cục, là cứu cánh tối hậu (như những họa sĩ lớn đương thời đang làm), Kuniyoshi áp ủ hình thái tranh mình trong một thực tại "vật chất" hỗn, rắn rỏi, linh động hơn. Không gian sâu, bí hiểm, sự vật sống động đến mức gây nên cảm tưởng như thể chúng đang thì thầm, rên rĩ, đang cười khanh khách, đang khóc tỉ tê. Màu sắc "kỳ cục" hơn, chưa từng thấy ở Đông hay ở Tây, những màu chìm tối, thỉnh thoảng lóe lên một cách đột ngột, bất thường. Trong lịch sử hội họa trên 1000 năm của Nhật bản chưa có tác phẩm nào mang những tính cách đó.

Còn một khía cạnh khác ở Kuniyoshi trong thời gian này mà người viết lấy làm lạ chưa có ai nói đến, kể cả L. Goodrich là bạn thân lâu năm của tiên sinh. Sau khi đi Âu về, rồi đi Nhật về, Kuniyoshi đã gọt dũa nên được một cái “thấy” khác, một cái “thấy” mà phải quay lui về quần đảo Phù Tang mới tìm thấy nguồn gốc. Những năm giữa thập niên 30, Kuniyoshi đã trên 40 tuổi, đã cù ngụ và sáng tác ở Tây Phương gần 30 năm trời. Đến Mỹ lúc còn trẻ nhỏ, vốn liếng văn hóa truyền thống lại chẳng có là bao, Kuniyoshi đã trở thành, người viết thiên nghi, một người Nhật-Mỹ thực thụ, một người Mỹ như sau này mot de Kooning (Hòa lan), một Gorky (Át-Mê-Ni) đã trở thành “Mỹ”. Thế mà đến tuổi 40, Kuniyoshi lại quay về với một cá tính đặc biệt Nhật bản, mà Hoa, mà Hàn, mà Việt không có, hoặc chỉ có một cách sơ sài. Đó là cái khuynh hướng dễ bị lôi cuốn của tâm hồn Nhật bản đối với sức ám ảnh, sức quyến rũ của thế giới u trầm rùng rợn của quỷ sứ tinh ma, của máu me, của sát hại. Goodrich ngắm những tranh tĩnh vật của Kuniyoshi và không thấy cái thế giới u u minh minh đó. Ông chỉ thấy “*chung* (những tĩnh vật) *không những là một mở đồ vật lạnh kinh được bày biện ra trước mắt: chúng có một yếu tố tượng trưng nào đó, gây cho ta cái cảm tưởng chúng là những gì đó nữa, chúng còn có một hiện hữu, một thực tại nào đó nữa*” **

Người viết dám nghĩ rằng “*thực tại nào đó*” là cái thực tại đã có mặt trong vô thức của Kuniyoshi, và như Jung sẽ không lấy làm bất đồng ý kiến, thực tại ấy là một tiếng còi báo động cho những đồ vỡ ghê gớm sắp đến, và riêng cho tiên sinh, những khắc khoải cầu xé quặn đau. Thực tại ấy, như lịch sử đã chứng minh cho Kuniyoshi, đã bùng nổ với Trân-Châu-Cảng và sự gia nhập chính thức của Hoa kỳ vào Đế Nhị Thế Chiến. Năm 1941, Kuniyoshi làm một chuyến Tây-du, lần thứ nhất kể từ ngày rời Los Angeles sang Nữu Ước 31 năm về trước. Bức “*Nevadaville*” (1942) mới trông ngỡ là một thị-trấn nhỏ bé vắng người, một thứ “ghost-town” rải rác ở miền đông Cali. Một tranh

phong cảnh hấp dẫn với cái tính chất bản xứ của nó. Nhìn lại thì phải thấy cái không khi'ghê rợn, cái u ám nặng nề đó chỉ có thể là của một thế giới tàn tạ, của một quê hương (thứ nhất ?, thứ hai ?) tan nát, một bầu trời mất điểm tựa.

Năm ấy Kuniyoshi đã 49 tuổi. Có sự tiếc nuối nào chăng ? có niềm khắc khoải nào chăng ? Con chim đã mỏi cánh, đã xơ xác quá rồi, muốn bay về tổ chăng ? Tổ có còn chăng ? Cả Goodrich lẫn Imaizumi không nói gì đến việc này cả. Nhưng nghi vấn đó, chúng ta không giải đáp hoàn hảo được, nhưng chúng ta có bốn phận phải nêu ra.

Chiến cuộc thế giới chấm dứt năm 1945 (một cách tạm thời), cũng là năm Kuniyoshi vẽ bức "*Ngựa Đứt Dâu Còn Muốn Nhảy Vọt*", rồi "*Em Bé Chạy Nhanh Đi Không Chết*" (1945-46), rồi "*Người Hề Mệt Mỏi*" (1946). Trò hề đã chấm dứt, buổi xiếc bế mạc, người hề miệng cười méo xệch. Imaizumi không đả động gì đến những ray rứt của Kuniyoshi trong thời gian khủng hoảng này. Nhưng là một học giả biết tự trọng, ông đã thẳng thắn cho ta biết rằng những gì mang nặng tư tưởng siêu hình và tượng trưng trong tác phẩm của Kuniyoshi thời gian đó không phải là những gì sâu sắc nhất, viên mãn nhất. Ông bảo trong hoàn cảnh tại Mỹ quốc, có thể "đúng như vậy", "hẳn là vậy". Nhưng với con mắt của một thẩm-mỹ-gia Á-đông suốt đời sinh sống tại Nhật-Bản, ông thấy có một sự "nông cạn", một sự dể dãi nào đó mà ông không "chịu". Không "chịu", nhưng vẫn yêu. Và ông yêu là phải: hai năm sau Thế Chiến Đệ nhị, người viết nghĩ, Kuniyoshi đã không làm cho Imaizumi chờ đợi hoài công. Bức *Đây là Sân Chơi Của Tôi*" (1947) là một sự đi tới lớn mạnh. Tính chất tượng trưng vẫn còn (lá cờ Nhật tả tới, mặt trời mọc trong cờ màu đen mốc, ngon tay trở, tám lịch (?) 4 tháng 7 (July Forth), đứa bé chạy trong khung cửa nhỏ (hay tám gương soi mặt ?) những dụng ý trừu-tượng-hóa đã rõ rệt, dọn đường cho một cuộc di xa.

HOA ĐÀO NĂM NGOÀI ...

Qua một vài năm, tuy đề tài không thay đổi lắm (người-hề, quả-phụ, khiêu-vũ hóa-trang...) ngoại trừ vài hình ảnh đặc dị của Nhật-Bản như con cá giấy, một sự chuyển mình lớn lao mà đột ngột đã tới. Những vật màu rộng lớn thêm ra, không gian hai chiều trước kia (Đông phương) sâu thêm thành ba chiều (Tây phương) nay lại trở về với hai chiều như thời gian Kuniyoshi chưa đi Âu, chưa về Nhật. Và quan trọng hơn hết, tranh Kuniyoshi bỗng như được nhìn qua một lăng kính khác: màu sắc biến dạng, tươi sáng hẳn lên, những màu đỏ son, hồng đào, những màu vàng nghệ, xanh lơ, tím hoa cà, những màu trắng mây mù, xanh cỏ dại. Chiến tranh đã kết liễu, hai nước Hoa kỳ và Nhật bản lại giao hảo. Năm 1948, Viện Bảo Tàng Whitney trưng bày một cuộc triển lãm toàn bộ (retrospective show) cho Kuniyoshi, và với công trình đó nói lên cho thế giới biết rằng Kuniyoshi là một *họa sĩ Mỹ*. (Bảo-Tàng-Viện Whitney chỉ trưng bày tranh của nghệ sĩ Mỹ-quốc mà thôi, người ngoại quốc không bao giờ được đặc ân này, ngay đến Picasso). Đối với họa sĩ Mỹ, một cuộc triển lãm toàn bộ tại Whitney có thể được xem như là một vinh dự thượng thặng, một lễ đăng quang. Năm 1952, tiên sinh được chọn lựa làm một trong bốn họa sĩ đại diện cho hội họa hiện đại Mỹ-quốc tại triển lãm Nhị-Niên Quốc tế ở Venice, Ý-đại-lợi.

Mười năm sau, 1962, người viết bài này (năm đó 28 tuổi) có cơ hội được nhìn thấy, lần đầu tiên, danh tính Yasuo Kuniyoshi và một vài bức tranh họa sĩ đã sáng tác trong giai đoạn cuối những năm 40, đầu những năm 50. Đến nay mỗi xúc động vẫn chưa phai pha. Vui buồn lẫn lộn. Bồi hồi không dứt. Hình thái của Kuniyoshi phảng phất quen thuộc, đã từng thấy rồi, nhớ rồi. Nhưng chính màu sắc Kuniyoshi mới là kỳ thú. Nỗi xúc động đó càng thấm thía khi chính ngay trong tiềm thức của người viết, chúng đã hiện diện rồi, mà chỉ mới chập chờn thấp thoáng thấy được. Thấy được nhưng vẽ ra không được, *chưa được*.

Bởi lẽ chưa đủ sức và kinh nghiệm để bắt nắm được ảo giác và kỹ thuật. Nhìn tranh, lạnh cả người. Đó là một sự trở về, một chu kỳ chấm dứt.

Hôm nay, muốn viết ra đây những gì đã cảm nhận hôm đó, lang thang một mình ở xứ lạ, bắt gặp được "cổ nhân". Nhưng lại không muốn thất lễ với người đi trước, vì sau đó tìm tòi vở được bài viết của Imaizumi năm 1954, đọc xong ngã ngửa, thì ra người ta đã làm việc đó rồi. Vì vậy xin dành lời cho kẻ đồng hưởng của Kuniyoshi tiên sinh:

*"Có một khía cạnh khá hay nữa tôi muốn nói đến (về sự thay đổi ở Kuniyoshi vào thời gian 1950). Đối với tôi hiển nhiên là Kuniyoshi đã dùng những màu sắc tươi sáng ấy không phải để diễn đạt một nỗi hân hoan đã tìm lại được hay một niềm an lạc đã được hồi sinh trong nghĩa thường được hiểu ở Tây phương. Ở Đông phương, chúng tôi biết -- và đây cũng là một yếu tố của triết-lý nhân sinh của chúng tôi -- rằng cái gì mà càng sáng sửa chừng nào thì lại càng tối tăm chừng ấy, và lúc đó là lúc chúng ta có được một biểu tượng vô cùng sâu sắc.; chúng tôi biết rằng cách thức biểu hiện càng rực rỡ, cái bóng đen của niềm xúc cảm lại càng tối tăm"... "Bút pháp và kỹ thuật, của Kuniyoshi vào giai đoạn này, với phương cách gián tiếp tế nhị của nó, hơn là những lời minh thị thông thường của giai đoạn "tối" của ông, đã đâm xói đến tận cội nguồn tình cảm và tâm thần chúng tôi với một nỗi u hoài sâu đậm"... ****

Thiên nghi đó là một sự thành công lớn, lớn hơn cả được trưng bày toàn bộ tác phẩm mới cũ tại bảo-tàng-viện Whitney, hay đoạt Giải Nhất Hạng của Học Viện Carnegie (1944). Kuniyoshi đã nối liền được lục địa bảy lâu dung thân với quần đảo quê mẹ bên kia Thái-Bình-Dương.

Năm 1953, Yasuo Kuniyoshi qua đời tại Nữu Ước, hưởng thọ 60 tuổi. Tiểu sử còn cho biết tiên sinh mất vì bệnh loét (ulcers) trong bao tử. Chỉ cho biết thế thôi,

không thêm một lời. Cái bệnh tự nó không phải là chuyện trọng đại. Điều đáng chú ý là trong thời gian sắp tử tạ cuộc đời, họa phẩm của Kuniyoshi lại “tươi sáng” hẳn lên như một ngọn đèn bùng sáng trước khi tắt ngấm. Căn nguyên bệnh nhọt bao tử, như nhiều người biết, có thể là hữu cơ, cũng có thể là vô cơ. Nếu là trường hợp sau, thử hỏi Kuniyoshi đã buồn bực, uất giận những gì? Suốt đời tiên-sinh cần mẫn sáng tạo, hăng hái tham gia và hướng dẫn những tổ chức có mục đích khích lệ và che chở những nghệ sĩ tạo hình. Tiên-sinh không thiếu kẻ tri âm, lại được nhiều người hâm mộ. Cùng thế hệ với tiên-sinh có biết bao nghệ sĩ khác, Mỹ có, Nhật có, Âu có, cũng tài ba vượt bậc, nhưng suốt đời lay lắt, điên dại, sống và chết trong cô đơn, hắt hủi và túng bấn. Bởi vì đâu mà một cậu con trai dưới 20, nhà nghèo, ít học, có cơ hội vượt Thái-Bình-Dương tìm đường tiến thủ, tuổi lục tuần đã bước đến đỉnh danh vọng nghệ thuật tại cả hai quê hương, một sinh thành, một dưỡng dục, lại chết vì bệnh thủng bao tử là cái bệnh của lo âu, khắc khoải, uất ức, tức bực?



Chẳng biết nếu Kuniyoshi còn sống thêm mười, mười lăm năm nữa, có dịp ngắm tranh những nghệ sĩ Phù-tang khác tiếp tục tìm kiếm con đường mới tại Nhật Bản, tiên sinh sẽ thấy làm sao? Tiên sinh là kẻ đã đi, rồi đã trở về, tiên sinh sẽ nghĩ gì khi thấy một họa-phẩm như bức *Amano-Hashidate* của Kawabata Ryushi (1885-1966) vẽ năm 1960? Tiên-sinh sẽ nghĩ gì khi thấy những họa phẩm của của những họa sĩ thế hệ em út con cháu, những họa sĩ Nhật cử ngụ và sáng tác tại Mỹ sau này như Okada, như Okamura?

Cái tịch mịch tiên sinh đã đạt được trong những tranh vẽ hai năm trước khi tạ thế còn chôn dấu con sống

ngâm nào mà đặng đặng gần nửa thế kỷ ở lục địa Bắc Mỹ
này đã không mức cạn đi được ?

Rằm tháng Ba năm Kỷ Mùi
VÔ ĐÌNH

* *Haiku của Issa (1762-1826) : Look out, my sparrow !/
Fly away ! Fly away ! See ? / A pony trots by /*. Trích từ
*Birds, Frogs, and Moonlight, bản dịch Anh-văn của Sylvia
Cassedy và Kunihiro Suetake, minh-họa của Vô-Đình
(New York : Doubleday, 1967).*

** và *** *Kuniyoshi, ấn hành cho Tân-Mỹ-Thuật Quốc
Gia Bảo-Tàng-Viện, Đông Kinh, bởi Bijutsu Shuppan-Sha,
1954.*

nguyên vẹn

□ truyện dài của VÔ PHIÊN

Đọc xong NGUYÊN VẸN tôi cứ nhớ tới cuốn "Giờ thứ 25"
của Georghiou và cuốn "Bác sĩ Jivago của Pasternak..".

Tôi nghĩ rằng bất cứ một người Việt di cư nào, đọc
NGUYÊN VẸN cũng phải lấy làm thích thú. Cái thích thú
của kẻ, sau 3 năm lưu lạc giang hồ, chợt thấy lại một lũy tre
già, một giòng sông xưa, một mái tranh cũ...

Bác sĩ NGUYỄN ĐĂNG DIỆM
(Đất Mới)

KẺ KHÔNG CHỊU LÀM BÙ NHÌN

Giáo sư sử học Nguyễn Phương, sau ngày 30-4-1975, trong thời gian tị nạn tại Hoa kỳ đã hoàn tất hai công trình biên khảo, cả hai đều viết bằng Anh ngữ: *Ancient History of Vietnam - A new Study*, và *A Parade of American Puppets*. Một cuốn viết về nguồn gốc khởi thủy của dân tộc; một cuốn về giai đoạn sau cùng của nước Việt-nam tự do trước khi rơi vào tay cộng sản.

Quan điểm về vấn đề nguồn gốc dân tộc của giáo sư Nguyễn Phương hồi còn ở trong nước đã gây ra những thảo luận khá sôi nổi trong giới sử học cả trong Nam lẫn cả ngoài Bắc.

Mặt khác, tình hình nam Việt nam sau 1954 cũng trách nhiệm của người Mỹ, đó là một vấn đề đang ám ảnh chính-giới cùng học giới cả Mỹ lẫn Việt.

Trong khi chờ đợi cuốn *A Parade of American Puppets* ra đời, chúng tôi xin đăng tải đoạn cuối cùng của tác phẩm do chính tác giả trích dịch.

V.H.N.T.

Sau khi thuật lại cái chết của Ngô Đình Diệm, cô Higgins có đem ra vài ý kiến về sự nghiệp của vị Tổng Thống, cô nói :

Có lần Tổng thống Johnson đã gọi Diệm là "Winston

Churchill của Đông Nam Á". Lời khen ngợi này làm châu mày những kẻ tôn phò vị chính khách lỗi lạc của Anh-quốc và có thể cho là quá đáng. Nhưng Ngô Đình Diệm rõ ràng đã nổi bật lên trên các kẻ kế vị nông cạn và xu thời của ông như một ngọn tháp cao đến nỗi không sao so sánh được. Có lỗi lầm gì đi nữa, Diệm hiển nhiên đã tranh đấu theo lối Á đông của ông để đem lại cho dân chúng sự công bình tổng quát và một nếp sống ấm no hơn. Những kẻ chỉ trích ông ai cũng công nhận điều đó, và căn cứ trên sự nghiệp của ông thì trong một thời gian ngắn ông đã làm lợi cho dân ông hơn bất cứ một nhà lãnh đạo đồng thời nào của Đông Nam Á. (1)

Theo cô Higgins căn nguyên của thảm kịch xảy ra cho Tổng thống Diệm là việc chính quyền Kennedy cố sức áp đặt "trên một quốc gia xa lạ, các cấp giá trị riêng của chúng ta, phương pháp riêng của chúng ta, đường lối dân chủ riêng của chúng ta và bị quốc gia đó cự tuyệt vì không hiểu hay vì chỉ hiểu được một cách lơ mờ. (2) Sự cự tuyệt của dân chúng Việt nam, như được thể hiện nơi vị Tổng Thống của họ, dường như đã bắt nguồn từ một nguyên nhân sâu xa hơn là vì không hiểu hoặc hiểu một cách lơ mờ nên văn hóa Mỹ. Tổng Thống Diệm và dân chúng Việt nam chống đối người Pháp không phải chỉ vì người Pháp áp đặt trên họ nền văn hóa Pháp. Việc áp đặt này chỉ là một hậu quả. Cũng như sự người Pháp bóc lột dân chúng Việt nam cũng chỉ là một hậu quả. Chốt cốt yếu của vấn đề đó là chủ quyền của Việt nam. Một khi chủ quyền này mất, không còn gì là đáng kể nữa.

Mỹ đã đến để giúp đỡ người Việt nam, không phải để bóc lột. Nhưng với viện trợ Mỹ, Mỹ đã tìm cách giẫm đạp lên chủ quyền Miền Nam Việt Nam. Tổng Thống Diệm không thể dung tha việc đó. Việc ông chống lại Chính quyền Kennedy là một việc chống đối khó khăn hơn và, vì đó, ý nghĩa hơn, bởi lẽ kẻ xâm lăng đang đội lốt một ân nhân. Dầu vậy, Tổng Thống Diệm có đủ sáng suốt để thấy nguy cơ và có đủ can đảm để đứng lên kháng cự. Khi ông bị lật đổ, có vẻ Chính quyền Kennedy đã thành công và Viện trợ Mỹ đã toàn thắng.

Nhưng ở Việt nam loại đặc thắng này không bao giờ có thể hoàn toàn, bởi vì như lời của William Lerderer, “cho dầu chúng ta tiêu hủy được Bắc Việt, giết được mọi tên Việt cộng, hay ký kết được một thỏa hiệp chấm dứt chiến tranh, đặc thắng vẫn còn xa vời và có lẽ không bao giờ có thể có”. Và Lerderer cho biết tại sao. “Toàn thắng”, ông nói, “có nghĩa là gánh lấy hoàn toàn trách nhiệm. Mà trí óc không sao chấp nhận được việc gánh lấy hoàn toàn trách nhiệm cho Việt nam,” một quốc gia đã từng tranh đấu suốt cả lịch sử ngàn năm của họ để tự mình hoàn toàn gánh lấy trách nhiệm của mình (3).

Và vì đó, Tổng Thống Diệm chẳng những đã bị lật đổ mà còn bị giết. Ông từ chối không chịu lánh nạn ở đất khách. Ông không chịu giao vận mạng ông vào tay người khác, bất cứ người đó là ai. Lodge đã cố gắng nhiều để đem ông đến chỗ an toàn. Vị Đại sứ Mỹ đã phải nhờ đến cả Tòa Khâm Mạng để can thiệp cho Tổng Thống Diệm đổi ý. Nhưng vô hiệu. Tổng Thống Diệm cứ khẳng khái giữ ý định của ông cho đến chết và bất chấp chết, bởi vì bằng cử chỉ đó ông tỏ ra cho thiên hạ biết là ông vẫn nắm chặt chủ quyền đất nước của ông. Đó là lý do tại sao ông bị ám sát ngày 3 tháng 11, 1963. (4)

Với tất cả đó trong đầu óc, Tướng Thomas Lane so sánh như sau :

Thảm trạng của cuộc bội phản này có thể đọc được nơi tử chất của những người đóng vai trong cuộc. Ngô Đình Diệm và bào đệ là Ông Nhu, xét về mặt giá trị căn bản của con người, như về trí thông minh, nhân nghĩa, chân chính và khôn ngoan, vốn vượt xa các chính khách của Kennedy, là những kẻ đã tiêu diệt họ. Chính sách Mỹ không phải chỉ phản ảnh sự suy nhược và bất nhất, mà còn tỏ ra thiếu sót một cách lộ bịch trong những vấn đề chủ chốt. Đây là thảm trạng ngàn xưa của kẻ có đức bị sát hại bởi hạng thất đức.

Thế rồi, ông Tướng khen tặng Tổng Thống Diệm lời ngợi khen đích đáng. Ông Tướng nói, “Ngô Đình Diệm là

một trong những vĩ nhân thực sự của thế kỷ 20. Về mặt khôn ngoan, đạo đức, về mặt thành công trong những hoàn cảnh tràn ngập cam go, đức tính lãnh đạo và lòng yêu nước của ông đã đạt được chỗ tối cao rồi vậy.” Tiếp tục so sánh, ông Tưởng nói, “Nhìn lại thì thấy tài năng của cấp lãnh đạo Mỹ, cả ở ngành Lập pháp, cả ở ngành Hành pháp, đều thuộc hạng tầm thường.”

Với lòng kính phục xứng đáng, vị Tưởng Mỹ nhắc lại rằng: “Khi về nhận chức Thủ tướng Nam Việt nam, Ngô Đình Diệm tuyên bố với dân: “Tôi tiên, hãy theo tôi, tôi lui, hãy giết tôi, tôi chết, hãy trả thù tôi.” Và Tưởng Lane đi xa đến nỗi nói rằng, “Cái chết của Tổng Thống Diệm đã được trả thù bởi luật thiên nhiên trong việc 250 ngàn thanh niên Mỹ đã bị thương hoặc bị giết... Dân Mỹ đang trả đũa cái giá phẩm chất của cấp lãnh đạo họ đã bầu lên.” (6)

NGUYỄN PHƯƠNG

(1) *Marguerite Higgins, Our Vietnam Nightmare* (New York, Harper and Row, 1965 trang 292.

(2) *Sđd*, trang 302.

(3) *William J. Lederer, Our Worst Enemy* (New York, Norton and Company, 1968) trang 143.

(4) *Marguerite Higgins* trích dẫn lời một giáo sư triết cho biết tại sao Tổng Thống Ngô Đình Diệm đã chọn con đường bị giết. Ông nói: “Nếu Diệm tìm an toàn ở một nước ngoài, ông sẽ làm mất hết giá trị của những điều ông vốn chủ trương. Nó sẽ làm cho dân mất tin tưởng nơi lòng chân chính và tư cách của ông. Nó sẽ tỏ ra là Diệm hèn nhát nếu ông chịu Mỹ giúp đỡ, nhất là khi Mỹ đã phản bội ông. Ông giữ vững các nguyên tắc về chủ quyền Việt nam. Ông đấu hàng với tướng lãnh Việt nam chứ không đấu hàng với người nước ngoài. Lịch sử sẽ ca tụng

việc đó. Có lẽ người Mỹ sẽ xử với ông tử tế hơn các tướng lĩnh. Nhưng là người Việt nam, sẽ không hay gì cho ông nếu ông công khai tin cậy vào ngoại nhân. Vì là người Việt nam, ông đấu hàng với người Việt nam. Các tướng lĩnh giết ông, các tướng lĩnh sẽ mang lấy hậu họa. *Sđd* trang 297-298.

(5) Thomas A. Lane, *America on trial - The War for Viet Nam* (New Rochelle, N.Y. Arlington House, 1971) trang 140.

(6) *Sđd*, trang 142.

NGUYỄN PHƯỜNG

SÁCH DO "NGƯỜI VIỆT" XUẤT BẢN :

* TRUYỆN KIỀU của Nguyễn-Du	\$ 3.70
* LY HƯƠNG của Võ-Phiến và Lê-tất-Điều	3.50
* THƯ GỬI BẠN của Võ-Phiến	(hết)
* NGỪNG BẮN NGÀY THỨ 492 của Lê-tất-Điều	3.70
* ĐẤT NƯỚC QUÊ HƯƠNG của Võ-Phiến	(hết)
* KISSINGER TRONG BẦY SẬP của Phạm-kim-Vinh	6.20
* NGUYÊN VỄN của Võ-Phiến	6.50
* THƠ CAO TẦN của Cao-Tần	2.50
* ĐÓNG CỬA TRẦN GIAN của Lê-tất-Điều	4.00
* LẠI THƯ GỬI BẠN của Võ-Phiến	4.00

Thư từ và chi phiếu xin đề :

Mrs. Ngô Hồng Phúc
P.O. Box 486
Westminster, Ca. 92683

NGÀY RỜI EAU CLAIRE

Gửi Mai Trung Tĩnh

Hành trang đã thu xếp gọn ghẽ. *Hành trang.* Chữ nghĩa cũng dưỡng miã mai. Mười cuốn sách cũ. Vài trăm trang bản thảo. Chút ít ^{vật}đụng khác. Hành trang tôi chỉ ngân ấy, sau gần ba năm vào đất Mỹ. Những dấu sao thì cũng đã sẵn sàng cho một chuyến phiêu lưu mới.

Tâm định rời bỏ thành phố nhỏ và hiền hòa này quả thực đã khiến mí mắt cũng cay nhiều đêm khó giỡn giấc. Những đêm thật dài, năm đó, hai con mắt mở. Ánh điện được tắt đi cho bóng tối giúp che khuất những gai góc bén lạnh của những thoáng hồi tưởng òa sập xuống lồng ngực như đá lở, kích xóc trên hệ não tựa những luồng điện cao thế. Những điều thuộc được thắp lên để thấy mình ở đó – những ngày đêm đứt ruột, vỡ tim, nát óc trong trại tập trung Fort Chaffee; nhìn mình, nhìn những ảo vọng và lớp sương mù nghi hoặc loãng tan, trở phôi những mắt đá tai mèo; nhìn người con gái mình đã yêu như trong một cơn mê suốt hơn mười năm dài, cơn mê tình ái mỗi lần gọi nhớ còn hằn xuống hõn sâu những vết roi cá đuối; nhìn về tương lai, tương lai đêm bão bùng biến động, tương lai mù sương nghi hoặc của đáy thăm xã hội Mỹ, nơi những di dân còn cả những triền cao ngọn đỉnh trời Everest phải vượt qua để tạo dựng một đời mới – và rồi, ở đây, Eau Claire, Eau Claire của lá đỏ mùa Thu, Eau Claire của những đóa hoa tuyết đầu tiên, của những tình trần quý khó phai mờ, của căn phòng nhỏ hẹp, tôi tàn bất gọi nhớ mùi hồi hám, oi nồng của phòng giam ANQĐ số 13, nơi những chú rệp háu đói có lẽ đã bắt đầu bị đồng loại rẻ rúng vì một lần, trót dại, bòn hút máu tôi cho sự sinh tồn. Những tiếng thở dài âm vang trong đêm như tiếng gió hú truồn trên mộ địa, âm vang trong đáy thăm hõn sâu những ngậm ngùi, cảm

khái ở nhận biết tuổi thanh xuân đã qua, những dấu chân ngập ngừng của tuổi già đã thoáng co ro sương sớm. Và rồi, như trong cơn địa chấn, như trong một phiên chợ ma, như trong ngày đại hội của những vong hồn uổng tử, trong tôi, bỗng chuênh choáng tiếng pháo bom cây nát ruộng đồng, làng mạc, ngạo nghễ nhảy múa những ngọn lửa hồng, những cuộn khói xám chì mờ phủ mục tiêu, những thây ma vỡ nát, phình trướng, chết đủ cách, đủ kiểu. Trong tôi, gợn lạnh tiếng thét rú thê lương của những kẻ bất đắc kỳ tử giữa trận tuyến, hay được khéo léo ngụy trang, che lấp bằng những bản nhạc quân hành, những bản cải lương mùi mẫn từ những chiếc loa phóng thanh của một trại cải tạo hay một trại giam cứu. Trong tôi, chập chờn nghiêng đảo những khuôn mặt phính tròn, dư thừa da thịt và lạc thú, nhói buốt những tiếng cười khả ố của bầy quạ ừng chiến tranh nơi trà đình, tửu quán, công viên hay các dinh thự. Trong tôi, khảm khắc xuống thật sâu những nếp nhăn khắc nghiệt của thời gian và cơ khổ trên khuôn mặt ông lão bảy mươi đang nằm run dửi gánh củi độ nhất trưa cháy nắng thung lũng Quế Sơn; khô cằn rế khoai, rế sắn cũng như đay gai giữa hàm răng sữa của đứa cháu Nông Sơn vừa dứt vú mẹ. Trong tôi, hình ảnh những con tàu địa ngục vượt Thái Bình Dương mùa Xuân năm nào, những hình hài rũ mồi, tả tơi trên những con lộ máu dẫn từ cao nguyên về hướng biển, từ Quảng Trị, Thừa Thiên đổ vào hay Quảng Tín kéo ra Đà Nẵng, những hoảng kinh và thô bạo của bầy thú điên trên những tàu, thuyền “tìm Tự Do.” Trong tôi, như lửa bốc, như gió cuồng, như mặt đất, nổi hồ nhục một đời của tâm thân bất hiếu, bất nghĩa, bất nhân, bất trị.

Nén đã hơn một lần tự hỏi ớn ịch gì chiếc mũ bằng, manh áo thung và mớ kiến thức khoa bảng sẽ có ba năm nữa, ở một thành phố dưới đó, nơi những giảng sư và bạn đồng khóa đang nô nức đợi chờ? Tâm thân phê vệt chiến tranh, từng mảng tuổi trẻ ngạo mạn và những cơn say dài cuồng nộ đi vào những vùng trời bất trắc, mịt mù lửa đạn,

cách nào bồng cái dạng người học giả, gât gù bình chuyện cổ kim, cao giọng tra vấn học thuyết này, triết thuyết nọ? Tâm thần bất hiếu, bất nghĩa, bất nhân, bất trí, cách nào ngược mặt năm châu, ước mở lưu danh thiên cổ? Công danh nào cho gã bại binh ngu tối, từng nhảy múa hét hò, truyền đơn khẩu hiệu mà ngỡ tưởng thánh kinh, ngỡ tưởng sách trời? Vinh hiển nào một đời lưu dân, trong một xã hội mà sự miệt thị trí thức và khoa bảng cũng hằn học và ghê tởm như sự kỳ thị chủng tộc?

Nhưng rồi một quyết định đã được lựa chọn. Dầu sao thì cũng phải xuống đò. Nhanh thì ba năm chậm thì mười năm. *Một cuốn sách phải viết*. Cho những năm mờ trắng lau triền đồi Nghĩa Trang Biên Hòa. Cho những tử thi được vùi lấp vùi vàng nơi góc rừng, triền núi, bờ đê với những hàng chữ tấm nọc độc "Sống Oai Hùng, Chết Vĩ Đại." Cho những người đang chết dần mòn nơi những trại cải tạo, những khu vực kinh tế mới, hay những chiến trường vừa hực lửa hận thù nơi những địa danh quen thuộc Lưỡi Câu, Mỏ Vẹt, Rạch Giá, Hà Tiên... Cho những thế hệ đang chết dần mòn trên con đường dẫn về xã hội chủ nghĩa, những thế hệ mà dưới mắt những "vĩ nhân cách mạng xã hội chủ nghĩa," những tâm trí vốn chật hẹp như ao tù, ruộng cạn, không thể không ngừng hiện diện, không thể không bị đào thải.

Một cuốn sách phải viết. Thực chẳng chỉ là cái cớ để che đậy giấc mơ khoa bảng và sự tham sống sợ chết? Thực chẳng lại cũng cái động lực ước mở lưu danh thiên cổ mà hơn hai ngàn năm xưa đã khiến Tư Mã Thiên ngậm nhục theo hầu xa giá Vũ Đế, dù đã ra thân tàn phế? Thực chẳng vẫn tựa người buôn đất cung trắng, chẳng hiểu văn chương, sử ký không thiết thực bằng bánh mì hay cơm gạo, không giúp được gì hơn cho bằng hữu và gia quyến đang thoi thóp mắc cạn?

Một chiếc xe đẹp, một căn nhà mua trả góp, một

người vợ và một bếp lửa dưỡng có vẻ trái đất, thực tế hơn. Nhưng *tôi* có còn là *tôi* nữa đâu... Một đời một sách từ nay, xin được tha thứ và lãng quên, như đã tha thứ và lãng quên đời.

Giã biệt, *Eau Claire*, *Nước Trong*, nơi có những dòng tình người ngọt và trong giữa thế gian nhố nhue bùn đen, phản trắc, lọc lừa.

Eau Claire 15/1/1978

NGUYỄN VŨ

Tủ sách VĂN HÓA

đã phát hành MAT LÔ

Một trong vài cuốn tiểu thuyết đặc ý nhất của Nguyễn Vũ. Truy cập của những người lính, khi ngửa đã què, kiếm đã gãy, khi hào quang đã lạnh tắt, trở thành phế vật chiến tranh.

Giá \$4.95 kể cả cước phí.

Sắp phát hành VÒNG TAY LỬA của Nguyễn Vũ.

Trọng bộ 3 cuốn, có sửa chữa và thêm những chương bị kiểm duyệt.

Thủ từ và bưu phiếu: PHẠM GIA KHÔI

1618 Missouri Place #A-4

Houston, TX 77006

t u' o n g n h u'

Cũng tưởng chiêm bao, tưởng mộng mơ
Tưởng sau hàng dậu bóng ai chờ
Chiều lên nhẹ nhẹ, khoan thai bước
Rớt xuống thình không những sợi tơ

Cũng tưởng đêm qua, tưởng đêm nay
Tưởng me say ngủ, tưởng đêm dài
Sửng khuya a hui hắt nằm trên cỏ
Nhập mấy ly thỏm, ngả ngón say

Cũng tưởng ba say chiến trận xa
Thả hương khói đến kẻ xa nhà
Thoáng trông me khóc sau màn trúc
Đốt nén cười buồn, ta với ta.

TINH CỎ.
(Little Rock)



TRÙNG DƯƠNG NỖI NHỚ

Nỗi nhớ thanh băng, đau kết tinh,
Bao nhiêu sóng nước : bấy nhiêu tình.
Tim sầu đã xẻ làm hai mảnh,
Cách biệt trùng dương : biển Thái bình.

Mơn mơn màu xanh lúa tuổi thơ,
Cây đa, cổ lái, bên con đò.
Mướt hương mát mắt màu hoa lý,
Gió mát, mùa trăng đầy ý thơ.

Nhiệt đới hương hoa dậy bốn mùa,
Hồn nồng Bát Mực nắng dư thừa.
Nẻo vắng dần lối mờ tiên tổ,
Địa sử lung danh vang bóng xưa.

Thôn cũ, lững cau đứng thẳng hăng,
Nhấn sông, cầu nhỏ bắc sang ngang.
Hương ngọt cốm xanh, hồng thắm đỏ
Ngát thơm vùi chín nhánh khoai văng.

Biển cách phương trời ai có hay,
Tìm ai tề tái đất phương này.
Nửa hồn bên đó, phần hoang vắng,
Như khí thu về run gió may.

LÊ NGỌC HỒ

CÁNH HOA

TRƯỚC GIÓ

LÊ THỊ HUỆ

Tôi quen biết Liên trong dịp theo học lớp *English As Second Language*. Hồi đầu tiên đặt chân tới San Jose, tôi chẳng biết nhiều anh văn ngoài mấy câu nói: “*Hello, How are you today. I am fine, thank you*”. Đó là vốn liếng anh văn còn sót lại của những năm trung học, của những giờ sinh ngữ phụ. Lúc tìm trường anh văn đi học, tôi nhờ người chị kiếm cho tôi lớp học sơ đẳng, căn bản nhất để tôi bắt đầu. Tôi được hưởng dẫn đến lớp ông John.

Lớp học nằm trên tầng hai của một dãy lầu thuộc một nhà thờ Methodist trên đường số năm. Tôi đến lớp trong tâm trạng nửa chán nản nửa hồi hộp. Chán nản vì những thay đổi bất ngờ của cuộc ^{lần}ty nạn/tôi mất thăng bằng, hồi hộp vì không biết điều gì sẽ xảy ra cho những ngày tháng sắp tới. Do vậy, ngày khai trường hôm ấy không mang lại cho tôi một cảm giác thoải mái nào.

Lúc đến cao ốc, theo dấu mũi tên của tấm bảng trắng có hàng chữ đỏ: *Lớp Học Anh Văn Sơ Đẳng Dành Cho Người Tỵ Nạn Việt Nam*, tôi leo lên lầu đến một căn phòng sát chân cầu thang. Bên trong lớp học tôi thấy có tất cả năm người: Một vị giáo sư người Mỹ trạc ba mươi lăm, đang viết lên bảng hàng chữ: "*Good morning, how are you today ?*" Phía dưới có bốn người học trò đã lớn tuổi. Một thanh niên trạc hai mươi lăm, vận một chiếc áo dày hàng vải lính. Cạnh anh ta là một vị nữ tu người ngoại quốc. Kế tiếp là một phụ nữ tuổi đã tứ tuần, khuôn mặt giống như người Hoa kiều ở Chợ lớn. Và cuối cùng là một cô gái nhỏ con, vận chiếc váy đầm màu ngựa vằn. Tôi đẩy cửa bước vào. Vị giáo sư nghe tiếng động quay lại. Tôi chưa biết phải mở đầu như thế nào, thì vị giáo sư đã chào tôi và bảo tôi đến kiếm một chỗ ngồi. Tôi đến cạnh người thiếu nữ vận áo ngựa vằn ngồi. Thiếu nữ ấy chính là Liên.

Giờ ra chơi hôm ấy, Liên tới hỏi chuyện tôi. Về thân mật và nụ cười tuổi của Liên làm tôi có cảm tình với nàng. Liên hỏi tôi:

-- Bô cũng mới ra đây hả ?

Tôi đáp :

-- Vâng, em vừa mới ra khỏi trại khoảng hai tháng.

Liên trở mắt nhìn tôi :

-- Chèng đéc ời. Ra hai tháng nay mà tới giờ này mới đi học anh vắn. Tui mới ra bốn hôm rày hà; mà tui bắt xi-pông-xo kiếm trường cho tui học anh vắn liền dzậy đó. Bô bô đau sao mà xanh dzậy ?

Tôi ấp úng. Biết trả lời thế nào. Hai tháng qua mặc dầu chị tôi hỏi thúc thế nào tôi vẫn không thể lấy lại quân bình tâm trí để có thể bắt đầu làm một việc gì. Tôi ở nhà nằm vùi trong phòng. Khóc lóc và nhớ nhung. Tôi đã có cảm tưởng toàn thân thể và trí óc tê liệt đến đó không thể nhúc nhích. Tôi gật đầu. Trả lời :

-- Vâng, em bị ốm nên nằm nhà.

Nàng bảo :

-- Ủ, chắc là nhớ nhà rồi sinh đau.

Rồi nàng hỏi tiếp. Mỗi khi hỏi điều gì nàng giở lòng đôi mắt làm duyên, miệng nàng uốn éo cong eo, giọng miền Nam của nàng nghe rất giòn.

-- Xi-pông-xo của bồ là ai dzậy ?

Tôi đáp :

-- Dạ chị của em.

Liên nói :

-- Chà dzậy sướng quá hén. Có chị có em ngon quá chời. Rồi nàng kể lể :

-- Tui hồi đó ở trại bảy. Camp Pentleton đó. Tui đi sang đây có một mình hà. Chèng đéc ời, ai mà tính đi. Bữa hôm chiều ba mươi, tui đạp xe gần máy ra bến tàu, thấy người ta leo lên tàu quá chời. Tui quăng xe, tui leo theo người ta tôi lọt sang đây. Tui ở trong trại lâu là vì muốn chờ gặp được xi-pông-xo tốt kia. Bị nếu mình gặp được xi-pông-xo tốt, mình mới có cơ hội đi lên được phải hông bồ. Tui được nhiều người pông-xo ra, nhưng thấy ở trong cũng vui nên tui rần chờ cho tới hồi tui gặp bà Cathy này tui mới ra.

Nghe Liên kể chuyện ra đi, tôi nhớ lại hoàn cảnh mình. Tôi ra đi hôm hai mươi sáu tháng tư. Ngọc, một người bạn thân của tôi đã cố nhét tôi vào danh sách gia đình nàng; những người được tòa đại sứ Hoa Kỳ dành cho một ưu đãi. Hôm ấy giữa không khí hỗn loạn mở hồ, tôi ra đi trong tâm trạng của một người trẻ muốn giang hồ phiêu lưu. Bây giờ ở mảnh đất lạ này, tôi mới biết câu chuyện ra đi ấy thật quan trọng.

Liên ngừng lại giây lát. Dáng nàng nhỏ xíu, cái dáng như đứa con gái mười ba mười lăm tuổi, tuy nàng đã

trạc hai mươi lăm. Giọng nói, khuôn mặt có vẻ dễ thỏa, những duyên dáng. Tôi nghĩ đôi nàng chắc phải nhiều lã lếu.

Tui gặp bà Cathy này cũng tốt. Liên tiếp. Bà có cái nhà thiết bị ở dưới đường Hai Mười Sáu, lại vừa mới ly dị chồng. Chèng đęc đi, vợ chồng ăn ở với nhau bao nhiêu năm nay rồi, giờ tới hồi cơm hồng lạnh canh hồng ngọt, bà dọn hết đồ ông ra hồng nướng tay. Dzậy mà bà thiết tốt bụng. Pong-xo tui dzĩa là dzĩn tui đi may sắm; cho tui đi học anh văn liên hã. Cuối tuần rồi, bà dzĩn tui đi Reno coi người ta đánh bài.

Liên nói thao thao về những tử tế của bà Cathy đối với nàng cho đến khi vào lại lớp học. Nào là bà Cathy dọn cho nàng một căn phòng tốt ở trên lầu, dzĩn nàng đi khai welfare, đưa đón nàng đi học, cũng như đi dạo những phố tàu phở Nhật ở San Francisco và khắp nơi... Câu chuyện của nàng không có gì hấp dzĩn, nhưng tôi như bị lôi cuốn bởi cái lối kể chuyện của nàng. Nàng kể chuyện nồng nhiệt tự nhiên và vui vẻ như một kẻ có tâm lý bình yên vững chắc. Nàng diễn tả những ý tưởng và tâm tình đơn sơ theo trí tưởng của nàng. Nhất là giọng Nam của nàng thật tròn tru giòn giã và dễ chịu đối với tôi, một người vốn đã có cảm tình với giọng nói này. Tôi đang ở trong trạng thái lơ ngơ khật khùng của những ngày đầu ở Mỹ. Khi được nghe Liên kể chuyện, tôi cảm thấy thoải mái như uống được một bát nước vừa ý. Do đó tôi có cảm tình với nàng.

Vì những cảm tình đặc biệt với con người đáng yêu của Liên, tôi thỉnh thoảng nhận lời đi dạo phố hoặc đi mua sắm với nàng. Thừa ấy chúng tôi vừa mới gia nhập đời sống Mỹ nên chưa biết mở ược những thú vui đắt tiền; chẳng hạn mở ược làm chủ một chiếc xe đẹp để vừa hãnh diện với những người chung quanh để vừa được đi dzĩn đó thỏa thích. Niềm vui của chúng tôi lúc

đó được Liên đón gĩa hóa bằng hai chiếc^{xe} đạp của nàng. Những chiều tan học, Liên thường rủ tôi đến phòng nàng, cho tôi mượn một chiếc xe đạp, loại xe đạp mà ở Mỹ chỉ dành cho trẻ con mười hai mười ba đạp rông trong xóm. Tôi và nàng tho^{ai} thẩn đạp xe lòng vòng dưới phố. Chúng tôi đạp xe trên những vỉa hè sạch sẽ, vắng ngắt bóng người. Tôi thường đi sau Liên, để cho nàng hướng dẫn những cuộc đi dạo xe đạp này. Sau này mỗi khi nhớ lại những kỷ niệm ngây ngô của những ngày bắt đầu cuộc sống ở Mỹ, tôi không thể nào quên được những cuộc đi đi dạo xe đạp với Liên dưới phố San Jose.

Mối thân giao giữa tôi và Liên cũng mờ mờ ảo ảo. Chúng tôi chỉ gặp nhau trong những lần đi học, đi dạo hay đi mua sắm chung. Nàng xem tôi như một nhân vật nào đó để nàng kể những câu chuyện của nàng hay để đi chỗi chung một đôi khi. Tôi cũng thấy dễ chịu trong mối sơ giao ấy. Thỉnh thoảng Liên vô tình kể cho tôi nghe những câu chuyện mà qua đó tôi biết rằng nàng vẫn còn tiếp tục một phần nào cuộc sống cũ ở Việt Nam, cuộc sống của những người buôn hưởng bán phán. Dĩ nhiên Liên không bao giờ nói thẳng với tôi điều này cũng như tôi không bao giờ tỏ ý đụng chạm đến nghề nghiệp cũ của nàng. Những câu chuyện về quá khứ của nàng phần lớn là những câu chuyện vui vì cái lối kể chuyện của nàng hơn là thiên truyện quá khứ bất hạnh của một thiếu nữ.

Nàng kể cho tôi nghe những câu chuyện về những xóm làng, những quán chợ, những người bạn thừa thiếu thời cùng gánh nước mướn như nàng, về Tây Ninh nơi nàng sinh ra và lớn lên trong một không khí gia đình lung bùng: Một đàn em lếch thêch, một bà mẹ ghẻ hiền lành, một ông bố thất nghiệp say sưa mù mịt. Năm mười chín tuổi, Liên bỏ nhà trốn lên Sài gòn. Nàng đăng vào nữ quán nhán. Ngày đầu tiên đăng đôn nhập ngũ, nàng bị ông lính nhận đôn hăm hiếp ở phòng khách đêm ấy.



Đôi khi, Liên kể cho tôi nghe nang đã ngủ với những ông ta nào ở ngôi nhà ấy. Ngôi nhà ở Biên Hòa với những vách kính và chiếc giường Hồng Kông là kết quả của bao nhiêu năm nang lăn lộn trong nghề. Câu chuyện về ngôi nhà ở Biên Hòa thường dẫn Liên tới niềm mơ ước của nang là có thể sở hữu chủ một ngôi nhà ở trên đất Mỹ này sớm chừng nào tốt chừng ấy.

Tôi chỉ có thể suy diễn cuộc sống hiện tại của nang qua lời nang phê phán về đời sống tình dục của những người đàn ông Mỹ. Nang thường dí dỏm so sánh sự khác biệt giữa hai lối làm tình của đàn ông Mỹ và đàn ông Việt Nam. Tôi vốn thích nghe những chuyện phiêu lưu, vả lại Liên vốn kể chuyện hay nên tôi thường ngồi cõ vớ nang kể chuyện. Những sinh hoạt của nang bây giờ chỉ là những sinh hoạt lẻ tẻ. Nang tỏ ý muốn gây dựng một cuộc sống mới tốt đẹp ở mảnh đất mới này.

Một hôm Liên đưa cho tôi xem tấm hình của một thanh niên lạ mặt. Nang vừa cười vừa bảo tôi: "Tôi lấy trộm trong ví ảnh đó. Coi được trai hông?" Tấm hình là một ảnh căn cước 4 x 6 cũ kỹ. Ở một góc còn mở lại nét triện đỏ chứng tỏ hình được tháo gỡ từ một chứng minh thư nào đó. Người thanh niên trong hình trạc đôi mươi, khuôn mặt thư sinh, không mập không ốm, có đôi mắt sáng, sống mũi khá cao và chiếc miệng nghiêm trang.

Liên đứng nhìn tôi ngắm tấm ảnh. Nang bảo:

-- Ảnh còn đi học như bồ đó. Nghe dấu trước ảnh học luật trong Đà Lạt. Bây giờ anh ở tuổi Arizona lận.

Tôi trao tấm hình cho nàng, bảo :

-- Gõ hình trong thẻ sinh viên người ta ra mà cũng không biết người ta học ở đâu. Chị thiệt là vô tình. Đà Lạt làm gì có trường luật. Mà... để thưởng là làm sao ? Chị nói để thưởng thì thật khó đoán.

Liên đưa tay hất tóc, vồ vồ về phía sau cuối bảo tôi :

-- Ủa dzậy hã ! Ai ma biết. Tưởng anh học trổng chớ. Bị hồi đó anh nói nhà anh ở Đà Lạt. Tui quen anh trong trại Pendleton. Anh ở sát giường tui. Tui ở ngoài hết, tới anh, rồi tới hai vợ chồng với mấy đứa con ông Tàu kia kia. Anh hiền lành lắm. Tui nhìn anh là tui thưởng liền hà. Anh đi sang đây có một mình. À quên để tui đưa thư anh cho bồ coi.

Vừa nói Liên vừa đi về phía tủ quần áo kiểm lá thư, trong khi tôi cố mường tượng ra những nam sinh viên cùng lớp thừa nào. Người thanh niên có nét hao hao giống một số khuôn mặt quen thuộc nào đó trong lớp. Những khuôn mặt bình thường. Không sôi nổi hay tham vọng. Họ có triển vọng là những người chồng người cha gương mẫu trong gia đình.

Liên mang lại một lá thư xếp làm ba trong một phong bì trắng nhàu. Thư gửi cho Liên để ngày 15.1. 1976.

Thắm Liên,

Cảm ơn Liên về món quà giáng sinh, về hai cuốn băng nhạc. Tiếc là tôi chưa có một máy cassette để nghe. Tôi quý lắm vì đó là món quà duy nhất mà tôi nhận được trong dịp giáng sinh vừa qua. Nhân đây tôi

cũng muốn nhờ Liên một việc. Liên có thể kiếm hộ tôi một căn phòng giá vừa phải cho một người thất nghiệp như tôi. Tôi có ý định dọn khỏi đây sớm chừng nào tốt chừng ấy.

Tôi kèm theo đây số điện thoại. Liên có thể gọi tôi vào buổi tối.

Cám ơn những tử tế của Liên. Chúc Liên bao giờ cũng vui vẻ.

N.T.DẦN.

Tôi nói :

-- À thì ra hôm nọ chị nhờ tôi đi theo chị lên Việt nam Thử Phảm mua hộ hai cuộn băng là để gửi cho anh ấy vậy mà tôi cứ tưởng chị mua về để nghe.

Liên đang sửa soạn đánh móng tay, nhưng lại nhoẻn miệng cười :

-- Đâu có. Tui hồng chịu con Khánh Ly. Giọng nó cò cò tui hồng ưa. Tui ưa cái giọng hã. Còn tân nhạc tui chịu con Giao Linh. Bài này nè. Nàng cất tiếng hát: "Em chi xin anh đừng miả mai gì. Dù một lời thôi khi nhắc tên anh. Cho kẻ yêu anh không tủi phận mình. Còn lóe trên môi nụ cười. Cầm bằng như mây trôi..." Rồi nàng tiếp hỏi ca câu vọng cổ: "Anh Thành ỏi cớ sao anh nỡ đành tâm phụ bạc khi trong em còn giọt máu yêu dẫu anh để lại... Để cho em đành tâm nuốt lệ ra đi giữa lúc phố chưa lên ừ.ừ.ừ.ừ.... đèn..."

Tôi vui ra với bản vọng cổ của Liên. Nàng có giọng ngâm cái giọng thật mũi mũi. Nàng tự nhiên ca

hát những lúc cao hứng. Nàng có chiếc miệng nhỏ xiu. Mỗi lúc ca vọng cổ hay tân nhạc nàng uốn éo đôi môi cong cớn. Trông nàng ngày thơ như những đứa bé lên mười được hát giữa lớp học.

Ca hết bản vọng cổ, Liên tiếp tục đánh móng tay và kể sở qua cho tôi nghe sự quen biết giữa nàng và Dân.

-- Hồi đó à ghen, ở trong trại, giường tui kề giường ảnh. Bị tui có bạn bề lại chơi hoài, tui lấy mấy tấm ra trải giường tui trắng lên làm một buồng riêng. Mấy ông bà ở cùng lều cũ lâu bầu nói tui ồn ào. Mà thiệt tui có có làm gì ồn đâu. Dzậy đó mà ảnh ở gần tui, ảnh hồng bao giờ phiên trách gì tui hết trời. Người thiệt tởi rộng rãi. Có một bữa cơm trưa, tui dzĩa buồng, tui thấy ảnh nằm đắp chăn rên hừ hừ. Tui thấy tội nghiệp, tui lên lấy cơm về cho ảnh ăn. Mấy người giục ảnh đi bác sĩ. Ảnh nói chỉ nóng sơ sơ. Tui đi kiếm thuốc dzĩa cho ảnh. Mấy hôm sau hết bệnh, ảnh cảm ơn tui, nói tui tử tế với ảnh quá.

Nàng ngừng lại giây lát, đến bên tủ phấn lấy bông gòn ra chấm alcohol tẩy những vết loang ở rìa móng tay. Nhìn bóng nàng trong gương, sạch sẽ, tuộm tắt và bình thản, tôi thấy nao nao trong lòng. Dạng người nhỏ bé trong một bộ bà ba hoa vãng, trông Liên nhỏ bé hiền hòa như một người tình bé bỏng, một người vợ hiền hơn là một người đã từng lăn lộn với nghề buôn hưởng. Liên trở lại. Kể tiếp :

Thì có gì đâu. Tui thấy ảnh nóng, mỗi lần thăm chừng ảnh, tui sờ trán, đưa cam đưa thuốc cho ảnh. Mấy hôm ảnh đau, tui cầm mấy thằng bạn tui lại thăm sợ làm ồn ảnh nằm hồng được. Thấy ảnh hiền từ rộng rãi tui thương. Tui thương ảnh thiệt mà. Chơi ời thiệt đó. Nhìn ảnh tui nhớ tới ông Năm Xích lô ở sát nhà tui

hồi nhỏ. Mỗi lần bị ông già tui đánh, tui chạy sang nhà ông Năm, ông can ông già tui ra, có khi còn cho tui ăn ké. Ông Năm ông cũng hiền tử rộng rãi như ảnh dzậy. Nhìn ảnh là tui nhớ ông già Năm.

Ngừng một giây. Nàng tiếp :

-- Cho tới hôm ảnh sắp ra Xi-pông-xo, tui buồn quá chời. Tui nằm trong buồng, hông ăn cơm tối. Khuya ảnh dzĩa, ảnh hỏi tui sao bị đau. Hồi đó tui mới thú thiệt là tui thương ảnh. Tui muốn đi theo ảnh.

Nói tới đây Liên đứng lại như xúc động. Tội cũng thật sự xúc động vì câu chuyện của nàng. Người thiếu nữ đã từng mơ ước một chiếc giường Hồng Kông, mơ một căn phòng có bốn vách kính, mơ những chiếc áo lông thú đắt tiền, mơ được cặp kè với những người giàu sang, hôm nay nàng ngồi kể chuyện tình một cách chân chất. Thế ra cho dù lăn lộn với bao nhiêu sương gió của cuộc đời, Liên vẫn còn có thể rung động và mơ ước một tình yêu đơn sơ bình an với Dân. Điều gì ở Dân đã khiến nàng rung động để can đảm thú nhận tình yêu của nàng cho Dân nghe ? Phải chăng nàng đã bắt gặp nơi chàng cái hình ảnh hạnh phúc đơn sơ. Một khuôn mặt không sóng gió của đời sống, một mái ấm gia đình mà bao lâu nay nàng mơ ước ?

Chi thấp giọng và khuôn mặt chùng xuống buồn bã một lúc. Mấy phút sau nàng lại vui vẻ cười nói :

-- Dzậy đó mà ảnh đi Arizona, tui tưởng đi là đi luôn chớ. Ai ngờ bữa nay lại định dọn sang đây.

Tội hỏi Liên :

-- Vậy rồi chị định để anh ấy dọn vào đây luôn chú?

Liên lắc đầu :

-- Hông được. Bị ảnh chặc hông tui lắm dzậy đâu.

Đề tui đi kiếm phòng cho ảnh. Bữa nào ảnh sang, tui kêu bỏ lại chơi.

Sau Giáng sinh một tháng. Tôi đang nghỉ hè giữa khóa mùa Thu và mùa Xuân, đang nằm nhả vật vờ với anh văn chuẩn bị cho kỳ thi vào đại học. Liên gọi điện thoại báo cho tôi biết Dân đã dọn sang. Nàng mời tôi đến dự tiệc sinh nhật của nàng ở nhà bà Cathy. Tôi nhận lời đi chung với vài người bạn.

Chúng tôi đến nơi khi căn phòng đã đông khách. Khách phần lớn là những người quen biết của bà Cathy. Họ hút thuốc, uống rượu, ăn uống trong một bầu không khí ngọt ngào khói thuốc. Chúng tôi nhập vào như những người khách lạ quây quần nói tiếng Việt với nhau. Chúng tôi ăn thức ăn do Liên nấu. Đêm nay Liên vận một chiếc áo dạ hội màu trắng, hở lưng, tóc uốn quăn, để chảy trên vai. Nàng xinh xắn như một búp bê của bữa tiệc. Nàng nói cười tíu tít, nhanh nhẹn chuyện trò với mọi người. Trông nàng chừng chạc và lẳng lơ hơn.

Nàng dẫn Dân lại giới thiệu với chúng tôi. Người thanh niên hoạt bát hơn tôi tưởng. Dân có dáng dấp còn thơ sinh, vận một chiếc áo len xanh thẫm và một chiếc quần Jean đơn giản. Quả như lời Liên nói, Dân có một khuôn mặt dễ nhìn. Lúc chàng nhìn xuống, chàng có vẻ đẹp nho nhã, yếu đuối. Tôi tưởng tượng ra lúc nhìn ngắm Dân ngủ khi bị bệnh. Vẻ yếu đuối của Dân đã làm cho Liên xiêu lòng.

Khi anh bạn cựu quân nhân ngồi cạnh tôi, người nói chuyện và pha trò huyền thuyên đi bần khác đánh cò, Dân mới có dịp lại bên tôi bắt chuyện. Dân cởi mở và phóng khoáng, nhưng cũng như tất cả chúng tôi, những người tỵ nạn mới đến Mỹ, Dân vẫn còn mang những nét bất ổn nào đó trên khuôn mặt. Dân kể cho

chúng tôi nghe lý do chàng di chuyển vội vàng sang đây, là vì chàng không thể sống chung với người bảo trợ chàng. Một ông kỹ sư Mỹ. Một gã "gay" chính hiệu.

Điểm thích thú mà tôi khám phá ra ở buổi nói chuyện ban đầu là Dân đồng ý với tôi về những điểm đáng yêu ở Liên. Cái duyên dáng thiên phú của nàng, sự ngây thơ trong giọng nói vui vẻ miền Lục Tỉnh của nàng. Liên mang rượu lại cho chúng tôi. Nàng nói huyền thuyên về lối pha rượu nàng mới học được của bà Cathy.

- Rượu này tui pha lấy đó bô. Liên vừa nói vừa trao ly rượu về phía tôi. Uống một ly cho dzui đi bô. Bô không thấy dân ông khi buồn người ta uống rượu cho khuây khỏa đó sao.

Quay sang Dân Liên phát một cử chỉ phân trần với chúng tôi :

- Tui nói rồi. Ở đây tui lo cho, mà ảnh củ nhất định ở *hotel* cho đến khi kiếm được phòng. Bị hoàn cảnh nó làm mình cực dzậy cho ai đâu mà muốn. Tui hồi đó ở nhà quê lên tỉnh, ở Tây Ninh lên Sài gòn, tui trông biết một người quen đăng ngủ nhờ nhà họ một hai đêm tui có quen biết ai đâu. Giờ tui thấy ai hồng nhà là tui động lòng. Ở mà nói dzậy chớ, mấy cái ông dân ông mắc chứng, hồng khi nào muốn tỏ ra ta đây nhờ đến ai giúp. Tui nói thiệt ă. Tui gặp người tốt như bà Cathy đây là tui quý lắm. Kiếm được người tử tế bô dễ ă !

Nói xong nàng nhoẻn miệng cười, bưng khay rượu quay đi. Tôi nhìn sang Dân. Chàng đang mãi ngắm bóng Liên quay đi. Đêm ấy chúng tôi nói chuyện cho đến khi tiệc tan.

Dân kiếm được căn phòng ở ngoại ô San Jose.

Căn phòng nhỏ và ẩm cúng nhờ vào những sẵn sóc của Liên. Liên thường đến đây tự động lo cho Dân những công việc như quét dọn, nấu ăn, sửa sang căn phòng. Dân và Liên thường đi chơi chung với tôi. Họ là một đôi tình nhân bất thường. Liên bớt đi chơi và giao thiệp với những mối liên hệ cũ. Dân tiếp tục đi học trở lại và buổi tối đi làm một việc phụ ở một xưởng computer.

Một buổi tối mùa hè. Tôi đang xem truyền hình ở phòng khách. Dân bất thình lình ghé lại, rủ tôi đi uống cà-phê. Tôi ngạc nhiên vì bị mời một cách không chuẩn bị, nhưng cũng theo Dân đến quán.

Quán cà-phê ở dưới phố, có bầu khí hơi giống những quán cà-phê ở Việt nam. Ở đây chúng tôi có thể thong thả ngồi trò chuyện với một vài ly cà-phê mà không cảm thấy phiền phức vì không gọi thức ăn. Bởi quán chỉ bán cà-phê cho khách hăng. Cà-phê không lấy gì làm xuất sắc, nhưng không khí trong quán thật dễ chịu. Một vài bức tranh cảnh treo trên tường. Những bộ bàn ghế màu gỗ. Một cái quầy cà-phê và những điệu nhạc êm dịu. Dân gọi cho chúng tôi những ly cà-phê đen. Chàng lấy thuốc lá ra hút trong khi tôi nhấp đề:

-- Hôm nay có chuyện gì lạ mà trông anh có vẻ khác thường vậy ?

Dân bật lửa, châm môi thuốc. Chàng bật nắp chiếc Zippo màu thiếc trắng. Ngọn lửa bùng lên. Dân loay hoay trong một dáng điệu tập trung cả mắt, mũi, miệng và hai tay vào điệu thuốc với ngọn lửa. Ánh sáng của ngọn lửa làm khuôn mặt chàng sáng hẳn lên. Tôi ngắm nhìn chàng và ước gì tôi có một máy hình trong lúc này để có thể thu lại hình ảnh này. Hít hơi thuốc đầu tiên xong Dân nói :

-- Liên đi rồi.

Tôi giật mình hỏi :

-- Đi đâu vậy ?

-- Đi theo chồng. Dẫn đáp.

Tôi trợn mắt ngạc nhiên :

-- Chồng nào ? Sao Thu không hay biết gì hết.

Dẫn mỉm cười. Nghiêng mặt hỏi tôi :

-- Giá thử nếu Thu biết đi nữa. Thu sẽ làm gì ?

Ngừng một giây. Dẫn tiếp :

-- Liên sống thoải mái. Nàng sống theo con người thực của nàng. Hành động theo những lý luận và ước muốn đơn giản của nàng.

Tôi vẫn ngạc nhiên. Tại sao hôm nay anh chàng này triết lý lung tung. Mà tôi thì chưa biết Liên đi lấy chồng hồi nào ? Chồng nàng là ai ? Nên tôi cất lời Dẫn :

-- Nhưng lấy ai ? Hồi nào ? Ít ra anh cũng cho Thu biết trước khi anh lý sự như vậy.

-- Lấy chồng từ lúc còn ở Việt nam. Dẫn đáp. Chồng Liên là một nhân viên trong ủy ban Liên Hợp Quốc Sĩ bốn bên. Họ đã chung sống một năm trước khi ông ấy về Mỹ. Khi Sài gòn mất. Ông ấy kẹt lại bên này. Ông ấy lừng kếm năng hơn một năm nay. Bây giờ mới gặp. Hôm cơ quan Hồng thập tự gọi lại. Liên kể chuyện ra cho tôi nghe.

Dẫn dừng lại, dụi tàn thuốc. Tôi ngẩn ngơ. Cơn lốc của một cuộc chạy nạn từ bên nửa mặt đất này sang nửa mặt đất khác phôi bầy nhiều tuồng tích đột ngột mà tôi phải chứng kiến.

-- Thế rồi bà ấy bỏ đi hã. Tôi nói một cách lạc lõng. Cái bà ấy thiệt vô tình.

Dẫn mở miệng. Có lẽ hẳn ta đang nhớ Liên thật. Tôi cũng thấy nhớ cái khuôn mặt tươi cười của Liên. Cái giọng riu rít như chim của nàng. Nếu có nàng ở

đây có lẽ giờ này chúng tôi đã không lâm vào những phút trống vắng như vậy. Dân nói tiếp :

-- Liên bảo ông già ấy đã lớn tuổi. Đa khoảng năm mươi. Ông ấy thường và chiều chuộng nàng lắm. Tôi cũng mong Liên có hạnh phúc. Một người như Liên phải có hạnh phúc. Nàng không biết khổ đau sâu mòng. Nàng được cái đặc ân ấy.

Chúng tôi lại rơi vào yên lặng một lúc. Tôi ngấm nhìn khung cảnh quanh mình. Tiếng cười nói. Điệu nhạc Zazz lăm râm. Những di động chung quanh. Tất cả lâm cho những ý tưởng về Liên tản mát trong tôi.

Một lát sau Dân tiếp :

-- Liên đi cũng khoảng một tuần lễ này. Nàng bảo có gọi lại cho cô đôi ba lần nhưng trúng vào tuần lễ cô về chơi Monterey nên không gặp được.

Chàng quay vòng ly cà-phê đã cạn đưa bảo tôi :

-- Sao Thu không sống hồn nhiên như Liên. Tôi không muốn nói về lối sống bất định của nàng.

Tôi nhìn Dân, Lỡ mở trả lời :

-- Ông bạn à ! Trăm hoa đua nở chứ ! Mỗi hoa lại một vẻ. Để trở nên trọn vẹn cái nhân dáng của mình cũng đã là một điều khó khăn rồi. Vả lại, chạy một trận giặc, mất hết cả tình nhân, gia đình, bạn bè, quê hương, anh bảo Thu làm sao hồn nhiên mãi được.

* * *

Bẵng đi một thời gian hơn một năm. Câu chuyện về Liên cũng như ngôi dân. Tôi chẳng biết tin gì về Liên từ dạo theo chồng. Dân sau đó được một học bổng về ngành dầu lửa ở Houston. Chúng tôi thỉnh thoảng trao đổi thư từ qua loa. Thỉ bống một hôm, Liên bất ngờ đến kiếm tôi ở ngôi nhà trọ mới. Nàng mang tặng tôi hai con

hồ con bằng sứ xanh, loại để làm đế bình hoa. Chúng tôi gặp nhau chào hỏi vồn vã. Tôi nói :

-- Gió nào thổi chị về lại đây ? Sao hôm nay trông chị điệu thế.

Tôi ngắm nhìn bộ quần áo chim cò trên người nàng. Sống xa chúng tôi một thời gian, Nàng trở lại thói quen cũ, ăn mặc như những thiếu nữ ngày trước ngồi lắt léo với những chủ GI Mỹ ở những quán bar, mặc cho thời trang của thế giới đã đến đâu.

Liên quay một vòng. Nhún nhảy ra dáng như một cô kiêu mẫu đang biểu diễn trước mặt tôi.

-- Tui mới may đó, Liên nói. Tui vẽ kiêu rồi đưa cho thợ may. Bị tui nhỏ con, mua đồ ngoại hồng được, hồng có cỡ nào vừa cả. Đi mua đồ cứ bị mấy người bán hàng chỉ lại hàng con nít hồng hà.

Tôi đến tủ lạnh rót nước mời nàng :

-- Chồng con chị khỏe mạnh luôn chứ ? Lấy chồng hơn năm nay, bây giờ mới nhớ tới nhỏ này.

Liên xịu mặt, nhìn đi chỗ khác trả lời :

-- Ông già bị bệnh ung thư mất cách đây hai tháng rày. Tui rầu quá chối nên mới dọn lên nhà bà Cathy mấy hôm rày.

Tôi há hốc miệng nói :

-- Trời đất ơi.

Liên cho hai tay vào túi quần. Nàng đến bên cửa sổ nhìn ra bầu trời bên kia dãy nhà trọ. Bầu trời xám, buồn bã.

LÊ THỊ HUỆ

San Jose 1/79

tu hú trên rừng sim

Viết để nhớ lại khu rừng sim tuổi thơ,
và thân tặng người em gái học trở vùng
kinh tế mới.

Tu hú về đây, đồi sim trái chín
Mưa đầu mùa đánh thức cỏ cây khô
Bên rừng, hoàng hôn, chim kêu lạc bạn
Gió rít ngoài đồng, tiếng dế tí tề.

Em mót củi, nhặt cây khô, đun bếp
Nước suối gánh về nấu cháo thay cơm
Nhà phố thị, bỏ lên rừng làm rẫy
Mưa đột mái chòi, thân sây rét run.

Em nhớ phố, nhớ con đường phượng vĩ
Vật áo học trở, vờn gió biển Đông
Đời đổi thay, áo trở thành cửa lạt
Cải lương kho tàng, mặc thấy tuổi thân.

Em lao động, cố làm gương cao cả
Tay ốm, vai gầy, vờ đất trồng cây
Cảm ơn ai, cho em bài học lớn
'Con thú là người, chỉ thiếu hai tay'...

Loài thú biết mơ, biết buồn dĩ vãng
Biết yêu đường, tha thiết, nhớ âm thầm
Trong đám thú rừng có con phản động
Muốn trở về kiếp trước thực thong dong.

Thuở lên đồi, hái cành hoa sim tím
Ép vở học trở, giữ tháng ngày vui
Đời đổi đời hoa xưa thành trái chín
Mật ngọt ngon, sao em đắng miệng cười

Tu hú về đây khi mùa sim tím
Xưa ta về đây hoa nở tím trời
Anh hình dung trong mái chòi che nắng
Em một mình như tu hú lạc đời

Mở được cũng bay giữa rừng bát ngát
Mai trở về thăm phố nhớ buồn hiu
Ngày anh đi biển cầm lờn sóng vỗ
Mấy năm xa biển vẫn nhớ ngậm ngùi

Đêm ngủ trong chòi mở ngày gió lớn
Giông cuồng lưu bất rẽ gốc sim già
Dây trũng đường sông bủa ghềnh đá dựng
Lũ thú rừng đời kiếp hóa người ta

Ngày đó bỏ rừng em về với phố
Vạt áo ngày xưa, bay trắng sân trường
Mùa sim năm sau ghé thăm tu hú
Có con nào mãi bạn khóc rừng rừng...

NGUYỄN LỮNG
(Pennsylvania)

HÀ HUYỀN CHI TÊN NÔ I Ệ MỎI

Một công trình án loát mỹ thuật vừa được hoàn thành.

Ba mươi bài thơ xót xa nhức nhối trong phần đời di tản.

Tám mươi hai trang sách chăm sóc chí tình. Hà Huyền Chi chỉ in có 500 cuốn và chủ trương đánh lấy huề để có vốn in cuốn khác. Thư từ, ngân phiếu xin để LÊ THỊ THANH 7613 SE LACEY, WA 98503. Giá BỐN MƯỠI ĐỒNG CHẤM.

ngày ta thành mây

Hôm em chếp thư tình lên lá bối
Ngân năm s a u lá bối vẫn còn xanh
Ta tụng c a u kinh mãi chưa quên chữ
Em đọc lời tình đã âm vãn môi
Hôm bỏ đi em gico tình trong gió
Rớt xuống g am mây kinh kệ bỏ quên
Để nhớ em ta lên lầu nhất nguyệt
Gióng hồi chuông rồi nhìn xuống mái tây
Chợt thấy em nhìn ta rồi thành nguyệt
Tan hồi chuông ta cũng biến thành mây.

NGUYỄN QUI NHƠN

Chúng tôi thành thực chia buồn cùng anh chị
NGUYỄN VĂN MINH và các cháu, qua tin

Cụ Bà NGUYỄN NGỌC CHÂU
Nhũ danh HỒ THỊ TÝ

từ trần tại Việt Nam ngày 5.4.79, hưởng thọ 63 tuổi.
Nguyên cầu hương hồn Cụ tiêu điều miền cực lạc.

ÔB. NGUYỄN VĂN HIỀN
ÔB. ĐỖ CÔNG THÀNH
ÔB. HOÀNG NGỌC TRAI
ÔB. LÊ TỤNG
ÔB. TRẦN TRỌNG NGÀ
ÔB. NGUYỄN VĂN HẢI
ÔB. VUU VIẾT
ÔB. ĐÀO TÙNG
ÔB. TRẦN NGỌC VÂN
ÔB. TÔN THẮT BÁ
ÔB. LIÊU QUANG
ÔB. HỒ VĂN THÔNG
ÔB. TRẦN ĐÌNH LONG

A' O MƠ

Những ngày đầu mùa hạ ở đây đã đi qua trong êm ả. Và quả thật, tôi cũng đang cần một khoảng thời gian yên lặng như thế mới phải. Những buổi sáng tôi mở bừng mắt tỉnh giấc mà không phải nhờ đến chiếc đồng hồ báo thức vì ánh nắng mặt trời đã tràn vào phòng quá sớm, nhưng buổi chiều từ sở làm về nhà, trong căn phòng hẹp, tôi đã sống với những giờ phút cuối cùng của một ngày dài bằng cách cặm cụi sửa soạn cho bữa ăn tối. Và đêm xuống là lúc tâm hồn người có quyền đi theo những ý nghĩ viễn vông không đâu vào đâu. Tôi với tay mở ngọn đèn bàn viết, trời bên ngoài đã xẩm tối, cái nóng bức của ban ngày bây giờ bắt đầu nguôi ngoai. Những cảm xúc trong khoảng không gian chung quanh vẫn thản nhiên, lắng đọng làm người ta không khỏi ngẩn ngơ, chợt nhớ đến một thời nào khi những nhịp điệu của tâm hồn người hãy còn hòa hợp với cái êm ả của một buổi chiều mùa thu, cái cuồng nhiệt của một ngày hoạt động mùa hè...

Tôi nhìn lên tấm lịch treo trên tường, hôm nay là ngày đầu tháng bảy. Phải đấy, một ngày đầu tháng bảy,

người chung quanh đây đó vẫn nhắc nhở đến những kỷ nghĩ' kéo dài cả tuần lễ, đến những trận thể thao nhan nhản trên báo chí, trên máy phát thanh. Còn tôi, sẽ không có những ngày đi chơi xa, sẽ không theo dõi tin tức những trận cầu, nhưng cũng có một chút đổi thay trong cái phẳng lặng của đời sống, vì tôi đã tạm từ giả cuộc sống đi học công thức để đi theo một lối sống khác, công thức nhiều hơn, đều đặn hơn, là cuộc sống đi làm. Và điều đó có nghĩa tôi phải tạm thu hẹp mọi liên lạc với bạn bè, người quen. Chỉ mỗi một, hai tháng trời nay thôi ư? Khoảng thời gian vừa qua, nghĩ lại thấy dài đằng đẳng làm sao ấy. Tiếng chuông điện thoại năm mười bữa lại giống lên một lần, trong căn phòng tối, đó là một lối nhắc nhở là tôi vẫn chưa hẳn biết lập với đời sống đi học, là biết đâu đây trong số người quen, cũng còn có người để ý đến tôi. Một người bạn không thân thiết gọi đến xin một số điện thoại, một giọng nói người lạ xin lỗi vì gọi lộn số, đó không phải là những gì tôi đang mong chờ, và đặt điện thoại xuống, tôi cảm thấy một nỗi thất vọng. Khoảng đêm tối trước mặt lại trở nên rộng lớn hơn. Nhưng rồi, nghĩ cho cùng, tôi còn có thể mong đợi được gì thêm? Đến một người quen đã lâu năm gọi lại để nói chuyện, tâm sự hỏi han? Đến Hạnh gọi đến làm lành, có thể nàng sẽ mời tôi ghé qua nhà hay đề nghị một cuộc đi chơi?

Thật là khôi hài khi tôi nói đến chữ làm lành. Vì giữa hai người chúng tôi không hề có chuyện xích mích cãi vả với nhau. Nói cho đúng hơn, tôi đang giận lấy vì nàng dường như không hề chú ý hay đếm xỉa gì đến tôi. Và chỉ một tiếng chuông điện thoại ngắn ngủi trong giờ phút này là đủ để tôi xóa tan đi mọi hiềm nghi về sự lạnh nhạt Hạnh có thể có xưa nay với tôi, nguyên nhân với hậu quả cũng chỉ là một, tôi sẽ tha thứ mái dướng nào. Có những lúc, khi nghĩ đến Hạnh, tôi thấy mình yếu đuối như một đứa trẻ, tâm hồn tôi đang cần được vỗ về, và tôi mong ở Hạnh cái bao dung rộng lượng của một người lớn để Hạnh đi đến làm lành. Bởi Hạnh không có quyền làm ngơ hay bỏ qua những gì tôi đã đối đãi, đã dành cho nàng. Hạnh phải đủ thông minh để chú ý được cái sắc sảo, lưu tâm trong mỗi cử chỉ, lời nói của tôi có từ lúc hai người mới quen. Hạnh phải có đủ linh tính để cảm nhận được những

giây phút, có thể trong lúc tôi đang ngồi học, khi đi chơi hay trong cơn mê ngủ về đêm, những giờ giấc tôi đã bỏ ra để nghĩ đến nàng.

Vậy mà, cặp mắt Hạnh đã mở to, nhìn tôi trong sự ngạc nhiên khi nghe tôi thổ lộ cho nàng nghe, cách đây hơn một tháng. Có lẽ, sự ngạc nhiên của chính tôi lúc đó còn to lớn gấp vạn lần cái ngạc nhiên của Hạnh. Phải Hạnh hoàn toàn không hề hay biết, không hề chú ý đến tình cảm của tôi ? Sự lãnh đạm, dửng dưng còn làm người ta đau đốn còn hơn sự ghét bỏ. Hay lúc đó, thật ra Hạnh đang lừa dối tôi, lừa dối với tình cảm của chính nàng, vì Hạnh đã biết cả rồi, có lẽ nàng chỉ muốn chạy đuổi với những tình cảm chân thật của tôi ? Có gì khác nhau, tôi có thể đưa ra trăm ngàn lý lẽ để giải thích thì chung quy rồi cũng chỉ là một: Hạnh chưa thể, hay không thể đáp ứng được mối tình nồng nhiệt của tôi.

* * *

Có thể, dưới mắt Hạnh, tôi chỉ là một tâm hồn yếu đuối, không hơn không kém. Tôi gặp Hạnh hơn một năm về trước. Vì một lý do nào đó, hay vì một sự lầm lỡ nào đó, cuộc đời đã đưa đẩy tôi đến vùng đất xa lạ này, đến khu đại học nằm lẻ loi ở một vùng ngoại ô thành phố, đến những khuôn mặt không mấy quen thân. Những buổi sáng đi đến trường, đi vào cửa lớp mà lòng hẫng còn ngổ ngợ, có lẽ vì chưa quen thuộc với sinh hoạt xứ lạ, với cái dị dạng của thời tiết - đã một, hai năm đi qua, cũng chưa hòa hợp được đời sống mới ? --, những buổi chiều, buổi tối, tôi đã từng cố làm quen với không gian, thời gian chung quanh, cũng như ngày hôm nay; trong một hoàn cảnh như thế, hình bóng Hạnh đã đến với tôi. Tôi đã kể cho Hạnh nghe những tháng ngày cũ ở Sài Gòn, tôi sống khác bây giờ như thế nào. Có khi Hạnh yèn lặng chú ý nghe, có khi Hạnh hỏi tôi, sao Phúc hay buồn thê, phải lạc quan lên đi chứ. Chắc Hạnh tin ngày mai sẽ thay đổi, chúng ta sẽ bớt buồn hơn đúng không Hạnh. Chính vì những ý nghĩ lạc quan em đang có trong đầu mà tôi đã

tìm đèn em, cũng như một người đi trong đêm lạnh cần một chút lửa vậy mà. Và tôi đã không ngần ngại kể lại cho Hạnh nghe những thiếu thốn, những yêu cầu của tâm hồn tôi.

Nhưng chúng ta đâu phải chỉ chia sẻ với nhau những buổi chiều dài, vắng lặng ở thư viện hay hành lang lớp học. Chúng ta cũng có tham dự những cuộc sinh hoạt thật là vui, chung với những đám bạn bè khác. Tôi đã thân nhiên trước những câu chóc gheo, đòn cọt của bạn bè, và lấy làm vui với những giấc mộng con con tôi xây đắp mỗi ngày. Thước ấy là lúc tôi đang đi tìm quên những giông bão của đời sống cũ, và em đã giúp tôi tập tễnh những bước đi đầu tiên của cuộc đời mới. Đó là lúc chúng ta đang chênh vênh giữa mộng với thực, cũng như tôi đã lầm lẫn khi xem tình yêu và niềm hy vọng chỉ là một.

Những ngày diêm ảo đó đi qua thật mau. Những lần đi chơi trên phố, hay trong những lúc đi bộ đến trường, trên đường về nhà, Hạnh đã chỉ cho tôi xem những gì có thật, đang xảy ra trong đời sống mà từ trước đến giờ tôi chưa hề biết chú ý. Hạnh nói đến những kiểu quần áo người ta đang bày bán cho mỗi mùa cũng với những chuyện hưởng về thời trang trong những năm qua, đến những hiệu xe mới xuất hiện lần đầu tiên trên đường phố. Hạnh kể cho tôi hay những người bạn mới quen, họ đã nói cho Hạnh nghe những câu chuyện vui nhộn, Hạnh cười thật tươi mát trong lúc tôi ngần ngừ nghĩ đến tình thân khôi hài hồi xa lạ mà tôi chưa có đủ thì giờ để làm quen. Tôi đã lắng tai nghe với một vẻ tò mò, có lẽ đó là những lúc ngần ngại tôi đã đóng vai một người già trước tuổi, chỉ biết âm ỉ nghe từng mẩu chuyện vụn vặt của con.

Và có nhiều khi, sau một vài câu nói, Hạnh dừng lại để hỏi tôi ít điều, chỉ để được tôi trả lời bằng một câu hỏi ngược lại, bằng một cái gật đầu hay bằng sự yên lặng. Chắc chắn, hơn một lần, Hạnh không được mấy vui vì thái độ ngập ngừng có vẻ như không chú ý của tôi. Nhưng tôi biết phải làm thế nào để giải thích, và Hạnh cũng đâu hề hay biết là trong đêm đó, hay qua ngày hôm sau, những cuộc đối thoại ngần ngại như thế đã làm tôi không khỏi

bận tâm. Bận tâm đến cái diễn biến quá nhanh, cái thay đổi chớp nhoáng trong cuộc sống của tôi, của em, đến lời đáp ứng dị biệt giữa hai người chúng ta hay giữa tôi và bạn bè. Cái khắc nghiệt của hoàn cảnh không phải chỉ nằm trong những đổi dời của thế giới bên ngoài, cái chúng ta thường gọi chung là hoàn cảnh, mà còn nằm trong những ảnh hưởng của nó; và đó là những chuyển mình, phản ứng của tâm hồn mọi người đối với cuộc đời mới. Ta đã thay đổi nhiều đến như thế, chỉ ít ỏi như thế hay sao, ta nghĩ lại điều đó và có ít hay nhiều cũng phải tủi thân đau xót. Tôi đã từng cảm thấy bị dầy vò như thế cũng như, một buổi tối Giáng Sinh năm nào, đi bộ về nhà tôi đã thấy ước ao một mái nhà ấm cúng, cũng như một hôm nhận được thư nhà tôi thấy mình ghen ngạo vì chỉ đành thúc thủ...

Và sau những đêm dài thao thức, sau những ngày giờ bỏ lớp chỉ để nghĩ quẩn hết chuyện này đến chuyện nọ, chính những dầy vò muôn thuở đó đã thúc đẩy tôi từ bỏ cuộc đời đi học để đi kiếm một việc làm. Hay tôi đã bỏ học cùng một lúc với cái chết với của tình yêu, cái dập tắt của niềm hy vọng? Tình yêu đại khờ của tôi đã vỡ nát qua một câu trả lời của Hạnh: "Hạnh không muốn Phúc nói đến chuyện đó nữa". Chỉ giản dị đến như thế thôi sao? Có phải tôi đã khóc thầm vì tiếc cho lâu đài xây trên cát đẹp để như thế bỗng dưng sụp đổ, hay cảm thấy tủi thân vì xưa nay đã bỏ ra bao nhiêu công trình tạo dựng bởi đáp? Hạnh đã đáp lại sự mời mọc của tôi bằng một cử chỉ lạnh lùng của một đợt sóng biển, vỗ mạnh vào bờ làm chân động trước khi quay đi, để lại những tòa nhà bằng cát đổ ngã tan tành, để rồi sẽ trở về với cái yên lặng bình thường vừa đe dọa vừa khó hiểu.

Đúng thế, tâm hồn Hạnh cũng u uẩn như lòng đại dương. Tha hồ cho tôi cố bắt chước xây nhà trên cát, hay cố tình làm thủy thủ lênh đênh thàng ngày trên mặt biển, rồi muôn đời tôi vẫn không thể nào hiểu được lòng Hạnh.

*
* *

Hay, chính ra, vì một lý do nào khác, Hạnh không thể nào đáp đền tấm lòng chân thật của tôi? Như tôi đã từng cố gắng tưởng tượng, có lẽ tôi đã đến với Hạnh quá muộn. Và nếu tin được như thế là lòng tôi đã được an ủi biết mấy. Chỉ tiếc mỗi một điều, nếu tôi đoán đúng ở chỗ Hạnh đã để ý đến một người khác thì lòng tự ái của tôi lại càng tổn thương nhiều hơn, vì hẳn mới là kẻ đến sau. Cách đây mấy tháng Hạnh có kể cho tôi nghe một người bạn nàg mới gặp. Tôi đã chú ý đến những gì Hạnh kể, cũng như đã từng chú ý đến những điều Hạnh thường nhắc đến mỗi ngày. Hạnh nói cho tôi biết đến những cử chỉ hay lời nói chuyện thật buồn cười của anh chàng, đến một hôm nàg tình cờ gặp hẳn đi qua trường, lái chiếc xe đua, và hẳn đã đưa giúp nàg về nhà. Tôi gặp hẳn loáng thoáng đâu đó một vài lần, có khi hẳn đi một mình, có khi cùng với một người bạn trai hay bạn gái. Đường như lần cuối cùng là vào hai tháng về trước, ở một bữa tiệc sinh nhật một người bạn. “Chào bồ”, hẳn vội vã đưa tay ra bắt. Bao giờ gặp mặt hẳn cũng tỏ vẻ vồn vã đối với tôi. Và thật tình mà nhận xét thì thái độ ân cần như thế cũng không có gì quái gở hay để tôi phải lưu tâm. Những cuộc chung vui họp mặt như thế này là những dịp dịp để tôi được nghịch ngợm với những nhận xét về mọi cử chỉ nhỏ nhỏ của người chung quanh, để sau đó nghĩ lại mà cười thầm một mình. Và trong số những hình ảnh góp nhặt vụn vặt đó hẳn chỉ là một.

Tôi tưởng đã có thể quên khuấy đi hẳn nếu ngay hôm sau Hạnh không có dịp nhắc đến tên, lúc chúng tôi gặp nhau ở cửa lớp. Đó là lúc tôi bắt đầu thấy khó chịu với hẳn, với nàg, và cũng một lúc với một hai câu nói vì bức bối không hiểu từ đâu, đó là lần đầu tiên tôi thấy được những rạn nứt trong sự quen biết giữa tôi với Hạnh. Vâng, Hạnh đã phản kháng với cái khó chịu của tôi bằng thái độ yên lặng, dần dần đi đến lãnh đạm của nàg. Và có gì đâu để tôi phải kêu ca, vì tôi đã biết quá rõ là giữa tôi và Hạnh cũng chưa hề có một lời hứa hẹn cho một tương quan mật thiết nào cả; hay tệ hơn nữa, nếu có, thì môi trường chúng tôi đang sống ở đây cũng không bảo đảm một tí nào cho mối liên hệ tình cảm giữa đôi bên.

Chung quanh tôi, biết bao nhiêu cặp bạn bè khác đã từng gần nhau, xa nhau, chuyên xảy ra mỗi ngày và khi gặp lại họ vẫn không mấy bận tâm mấy may. Có lẽ tôi đã phải học từ lâu thái độ biết thờ ơ, phớt tình như thế. Vì hôm nào, Hạnh đã từng nói “như thế mới là con trai”. Những người bạn gái tôi quen đôi lần cũng đưa ra một vài nhận xét tương tự. Thì ra là vậy, người ta không thể đưa một tấm lòng thành thật hay một tình yêu nồng nàn để biện minh cho những cử chỉ mềm mỏng vô vể.

Nỗi dằn vò trong lòng tôi đã âm ỉ theo mỗi tháng, mỗi ngày, mãi đến một hôm, trong lúc tình cờ nói chuyện, một vài người tôi quen lại nhắc đến hắn, cùng một lúc với tên Hạnh. Những người bạn hồn nhiên đến độ vô tâm kể lại một câu chuyện vui về sự liên lạc giữa hai người. Những người bạn trước kia đã từng pha trò, chế diễu sự đi lại của chúng tôi bây giờ lại nhắc đến tên Hạnh cũng với một người khác, nói ra một cách thật vô tình, chừng như họ tin là tôi đã rõ tất cả, đã sẵn sàng chấp nhận mọi chuyện; hay như tôi và Hạnh không còn liên lạc gì với nhau và những gì xảy ra sau đó chỉ là điều đương nhiên. Cái vô tình của một người ngoài cuộc càng làm ta đau đớn nhiều hơn, vì cho dầu hoàn toàn không hiểu rõ hay có sáng suốt hơn người trong cuộc thì tính chất vô tư của lời kể chuyện, tinh thần khách quan vô thiên vị của người kể cũng làm ta khi nghe qua phải bàng hoàng rung động. Tôi đã lặng người đi giây lát để sau đó phải tự hỏi, hay chính ra tôi nên cảm ơn họ mới đúng vì đã giúp tôi mở mắt nhìn thấy. Cơn sốt tình cảm vừa qua là một cơn mê muội trong cuộc đời vô vị, nhằm chán tôi đã sống, và còn chán chờ gì thêm nữa, tôi phải mau mau tỉnh thức trước khi quá muộn. Dầu những người chung quanh đây có diễn dịch cách sai lạc hay tôi có đoán lầm thì đây là một dịp để tôi thoát thai ra khỏi giấc mộng du, cơn điên loạn mà tôi đã lầm tưởng là tình yêu, lầm tưởng một cách lối bịch.

Và như thế mà tôi tự an ủi là buổi tối hôm nay, có lẽ tôi đang sống trong những thoi thóp sau cùng của cơn mộng ảo. Tôi theo dõi những đợt nắng chiều còn sót lại trong ngày từ từ rút lui ra khỏi phòng, không gian dần dà trở nên mờ đục một cách bệnh hoạn, những tranh tối

tranh sáng đi chuyên chậm chạp chung quanh phòng, và bây giờ trước mắt tôi chỉ còn một nguồn ánh sáng thu hẹp của ngọn đèn viết chòi với giữa bầu không khí đen ngòm của đêm tối. Đêm đã xuống. Cuối cùng, cơn nóng hầm hập của ban ngày cũng nguôi dần đi, cảm ớn lạnh lạnh, tôi chỉ cần chùng nẩy để có thể vỗ về tâm hồn dứa vào giấc ngủ. Dầu rằng, tôi tin chắc một điều là ngày mai, khi tỉnh giấc, tôi sẽ thấy ngẩn ngơ như những ngày hôm trước đã từng ngơ ngẩn, là còn mơ rồi cũng sẽ nắm và ra đó, mãi mãi chưa chịu bước đi...

ĐẶNG KHOA

Sunnyvale 07/78

tà áo

việt nam

Trên đường phố lạ áo bay
Cánh chim vòng quốc đáng say tử hồn
Đường cong đậm nét giang sơn
Gió tung vạt áo chập chờn xuân xưa.

HUY LỰC

CHỮ NÔM

Sống xa quê hương, chúng ta lúc nào cũng hướng về quê hương theo đôi từng bước đi của dân tộc: mỗi một thành tích về văn hóa, về kinh tế v.v... đều quý giá. Trên tinh thần ấy, VHNT lần lượt chọn giới thiệu những công trình trước tác có giá trị ở trong nước.

Dĩ nhiên, chúng ta chỉ quan tâm đến thành tích cố gắng của dân tộc chứ không tự để mình trở thành nạn nhân của sự tuyên truyền nhồi sọ, vì vậy trong việc chọn lựa, chúng tôi sẽ gạt bỏ tất cả những gì có dụng ý tuyên truyền.

Lần này, VHNT xin trình bày một công cuộc nghiên cứu về chữ nôm của ông Đào Duy Anh. Nhân tiện tưởng cũng nên nêu ra một nhận xét là từ đầu đến cuối tác phẩm nhà học giả khiêm tốn chỉ nói đến công ơn giúp đỡ của người bạn là ông Cao Xuân Huy và sự góp ý của một vài người chuyên môn về ngôn ngữ học (như Nguyễn Tài Cẩn, Cao Xuân Hạo) mà không hề đề cập tới sự lãnh đạo "sáng suốt" của Đảng, không một lời đả động tới cuộc chiến đấu chống Mỹ, Ngụy v.v... như trong bao nhiêu sách khác xuất bản tại Hà nội.

Thiết tưởng điều ấy cũng nói lên một khía cạnh thú vị về phong cách tác giả.

V. H. N. T.

*CHỮ NÔM : NGUỒN GỐC CẤU TẠO, DIỄN BIẾN
Của ĐÀO DUY ANH*

*Nhà xuất bản Khoa học xã hội
In tại Hà nội Việt nam, tháng 11 năm 1975
224 trang - giá 0\$90*

Dân tộc ta đã dùng chữ nôm trong gần mười thế kỷ, một phần quan trọng của văn hóa dân tộc hãy còn chứa đựng trong

các tác phẩm bằng chữ nôm: Hiện thời, chỉ riêng thư viện khoa học xã hội ở Hà nội cũng còn giữ đến 1186 cuốn sách chữ nôm. Ấy thế mà đến nay gần như chưa có một công trình nghiên cứu nào về chữ nôm kỹ càng tử tế, do người Việt nam biên soạn.

Tác phẩm của ông Đào duy Anh là cuốn sách đầu tiên nhằm mục đích này.

DẤU VẾT XƯA NHẤT

Từ trước đến nay, hễ nói đến chứng tích xưa nhất về chữ nôm, ai nấy chỉ biết đến tấm bia Hộ thành Sơn ở Ninh Bình. Di tích ấy thực ra được H. Maspero phát giác cách đây gần sáu chục năm, và hiện thời đã mất tích.

Năm 1958, ngư dân vùng Đồ sơn vớt được ở đáy biển lên một cái chuông đồng của chùa Văn Bản ở Đồ sơn. Trên thành chuông có khắc những hàng chữ ghi chép các sự việc liên quan đến việc dựng chùa đúc chuông. Trong số ấy có hàng chữ nói đến những người đã cúng ruộng đất cho chùa, đại ý là : “ Thi về Nhân dùng thủ Nguyễn Văn cung vợ là Chu thị hai người cùng một sở địa trạch Ông Hà ”... Hai chữ “ông Hà ” là hai chữ nôm xưa nhất được biết đến nay. Bởi vì chuông chùa Văn Bản có người cho rằng được đúc vào năm 1076 đời Lý nhân Tôn. Sự ước định ấy dầu không chính xác , có lẽ cũng không sai nhiều.

Sau chuông đồng chùa Văn Bản, tới tấm bia chùa Tháp miếu, huyện Yên lạng tỉnh Vĩnh Phú, năm 1210 đời Lý cao Tôn. Trên tấm bia này có đến hai chục chữ nôm.

Nói về sách thì ấn phẩm xưa nhất bằng chữ nôm còn giữ được tới ngày nay là tập *Thiền tôn bản hạnh* , trong ấy có bốn bài phú tử đời Trần như sau:

1- Bài phú “Cử trần lạc đạo ” của Trần nhân Tôn.

2 – Bài ca “Đắc thú lâm tuyền thành đạo ” của Trần nhân tôn.

3 – Bài phú “Vịnh Hoa yên tử ” của Trúc lâm đệ tam tổ Huyền Quang.

4 – Bài phú dạy con của Mạc đỉnh Chi.

(Trong các bài kể trên, bài phú dạy con có thể ngỡ rằng không phải do Mạc đỉnh Chi làm ra, nhưng cũng là tác phẩm

đời Trần.)

NGUỒN GỐC

Trước đây có nhiều giả thuyết về nguồn gốc chữ nôm: có người bảo là Sĩ Nhiếp (thế kỷ thứ II) đã đặt ra chữ nôm, có kẻ lại cho chữ nôm có từ thế kỷ thứ VIII (vì trong anh hiệu Bồ cái Đại vương có hai chữ Bồ Cái là tiếng Việt), lại có người bảo chữ nôm xuất hiện vào đời Trần, khi Nguyễn Thuyên dùng chữ nôm làm thơ phú.

Thực ra có nhiều lý lẽ để nghi rằng đối với thời điểm xuất hiện chữ nôm thì thế kỷ thứ II là quá sớm, mà đời Trần là quá muộn. Khoảng thời gian thích hợp hơn cả có lẽ là dưới các triều Đinh Lê và đầu triều Lý.

Tại sao có thể ước đoán như vậy ?

Trước hết là vì nghiên cứu cách viết và cách đọc chữ nôm, chúng ta thấy chữ ấy được đặt ra trên cơ sở chữ Hán đọc theo âm Hán Việt. Mà âm Hán Việt thì chỉ được ổn định sau khi họ Khúc đây nghiệp (tức năm 905).

Hơn nữa không phải có âm hán việt là vội vàng đặt ngay ra chữ nôm: chữ nôm chỉ xuất hiện khi nào nhu cầu của xã hội đã đạt tới cái mức khiến người ta phải đặt ra chữ ấy để dùng. Dưới thời Bắc thuộc thì các giấy tờ toàn xài chữ Hán, do đó không có nhu cầu chữ nôm. Sau khi nước nhà tự chủ, trải qua các thời Ngô, Đinh, Lê, cho đến đầu nhà Lý mọi hoạt động trong xã hội phát triển mạnh theo chiều hướng độc lập, thoát ly khỏi ảnh hưởng Trung quốc. Chúng ta đã thấy ở đời Lý cao Tôn chữ nôm được dùng để chép tên đất tên người. Có thể rằng trong các lãnh vực tôn giáo, nghệ thuật, kinh tế, chính trị v.v... người ta đã thấy cần có thứ chữ dễ hiểu hơn là chữ hán. Do đó chữ nôm ra đời.

Trên đây chúng ta có nói đến âm hán việt, đó là thứ âm gì ?

Thực ra, từ khi bị người Tàu đô hộ, chữ Tàu được dạy ở nước ta, lúc bấy giờ tại các trường học thường thường là thầy Tàu giảng dạy, và ta phát âm theo họ. Giọng đọc tiếng Tàu vẫn không ngừng biến đổi tùy theo thời đại. Thời Đông Hán, ta đọc theo và phát âm giống Đông Hán; đến thời Lục Triều; đến đời Đường, ta lại đọc chữ Tàu theo giọng Đường.

Sau đó, nước ta tự chủ. Tuy rằng dân ta vẫn còn học và

còn dùng văn tự Trung quốc (gọi là chữ Hán) nhưng từ đây thầy Việt dạy trò Việt, chứ không phải học theo thầy Tàu nữa. Vì vậy giọng đọc Hán tự ở bên Tàu dần có theo thời gian mà biến đổi, điều ấy không ảnh hưởng đến cách phát âm của ta nữa. Mặt khác người Việt đọc chữ Hán cũng dần dần sai lệch; nói cách khác, tiếng Hán được Việt nam hóa, thành ra có một giọng riêng biệt gọi là giọng Hán Việt. Giọng ấy na ná gần với giọng nói miền Trường An (bắc Trung quốc) đời Đường (thế kỷ thứ IX) nhưng lại không hẳn là giọng này.

Vì không còn gắn liền với tiếng nói Trung quốc nữa, cho nên tiếng Hán Việt là một thứ từ ngữ, rất ít thay đổi qua thời gian.

Chính trên cơ sở của âm Hán Việt ấy mà tổ tiên chúng ta đã đặt ra chữ nôm. Âm Hán Việt chỉ được ổn định sau thời tự chủ của nước ta, vì vậy trước đó nếu có một ít chứng tích thì chẳng qua là chứng tích về tiền thân của chữ nôm, chứ không thể là về chữ nôm chính thức.

CẤU TẠO

Các nhà Nho trước kia (như Ngô Thì Nhậm chẳng hạn) vẫn cho rằng cách đặt chữ nôm của ta cũng phỏng theo cách đặt chữ Hán, tức là theo phép lục thư : tượng hình, chỉ sự, chuyển chú, giả tá, hình thanh, hội ý. Sự thực xét cho kỹ, để đặt ra chữ nôm các cụ ngày xưa chỉ vận dụng ba phương pháp mà thôi : Hội ý, giả tá, và hình thanh.

1— “Hội ý ” là dùng hai chữ Hán ghép lại để làm một chữ nôm, lấy ý nghĩa của hai chữ Hán nọ mà gọi lên cái khái niệm muốn diễn tả bằng chữ nôm. Thí dụ: dùng chữ THIÊN ghép với chữ THUỖNG để làm thành chữ TRỜI.

Phép hội ý là phép ít dùng nhất trong cách đặt chữ nôm: Trong tất cả số chữ nôm, chỉ có sáu chữ là đặt theo phép này mà thôi.

2— “Giả tá ” là mượn nguyên cả chữ hán để viết ra chữ nôm, khi nào có những chữ hán đọc gần giống như tiếng nói của ta.

a) Có những trường hợp thí dụ như mượn chữ TUẾ mà đọc ra là TUỔI, mượn chữ VŨ mà đọc ra là MŨA v...v... Sở dĩ như thế là vì xưa kia, vào đời Hán chẳng hạn, dân ta học chữ Tàu

do thầy Tàu dạy, đọc chữ Tàu theo giọng thời ấy, lúc bấy giờ TUẾ đọc ra là TUỒI. Đời Đường về sau, giọng đọc của thầy Tàu đổi khác, rồi sau đời Đường, nước ta tự chủ, dân ta không học thầy Tàu nữa, lối đọc chữ Tàu được Việt hóa dần dần, cho nên âm hán việt của chữ nọ hóa ra là TUẾ. TUẾ, VŨ là chữ hán đọc theo âm hán việt, còn TUỒI, MŨA vẫn là những chữ ấy đọc theo âm xưa. Trong trường hợp vừa nói, ta viết nguyên chữ Hán để rồi đọc theo âm xưa.

b) Có trường hợp khác viết nguyên chữ Hán, và đọc theo giọng hán Việt. Thí dụ : SƠN LÂM, NHÂN GIAN, ĐẮC Ý v.v.

c) Lại có trường hợp khác, ta mượn chữ hán (đọc theo âm hán việt) để biểu hiện những từ đồng âm mà không đồng nghĩa, Thí dụ: chữ CHI, chữ THỈ, chữ HẦU v.v..., xét về mặt ý nghĩa thì tiếng hán tiếng việt hoàn toàn khác nhau, nhưng khi viết chữ nôm chúng ta chỉ mượn cái âm mà thôi.

d) Lại cũng có trường hợp khác nữa, chúng ta mượn chữ hán có âm hán việt giống na ná để biểu hiện tiếng Việt. Thí dụ: viết chữ CỐ mà đọc là CỎ, viết chữ MÃI mà đọc là MỎI, viết chữ BIẾT mà đọc là BIẾT v.v...

e) Cuối cùng có trường hợp chúng ta mượn chữ hán, rồi đọc theo cái nghĩa của nó bằng tiếng Việt. Thí dụ: viết chữ VI mà đọc là LÂM, viết chữ ỐC đọc là RAY.

3— “Hình thanh ” là ghép một bộ chữ hán với một chữ hán khác để làm ra một chữ nôm; bộ chữ hán để biểu hiện cái nghĩa đại khái, còn chữ hán ghép bên cạnh là để ghi cái âm. Thí dụ ghép bộ THỰC (là ăn) với chữ CAM để làm ra chữ CƠM ; ghép bộ NHĨ (nghĩa là tai) với chữ NGHI để làm ra chữ NGHE v.v...

Theo ba phương pháp cấu tạo như đã trình bày trên đây, chữ nôm chỉ là một thứ chữ ghi âm không chính xác mấy. Sở dĩ như vậy là vì âm vận tiếng Việt phong phú hơn âm vận tiếng Tàu nhiều, không thể nào tìm ra đủ chữ Tàu có giọng tương đương để ghi âm tất cả tiếng Việt. Tiếng Việt có đến 150 vận mà tiếng Tàu chỉ có 75 vận : những vận ON, UÔN, ỒN, ỘP, UT, ƯỚT v.v.. chẳng hạn không hề có trong ngôn ngữ Trung quốc.

DIỄN BIẾN

Thoạt mới ra đời, chữ nôm chắc hẳn thô sơ về cách cấu tạo

và ít oi về số lượng; dần dần nó được cải tiến theo thời gian. Lăn theo quá trình diễn biến của chữ nôm, người ta có thể phân chia làm ba giai đoạn.

1— Giai đoạn đầu gồm các đời Lý Trần. Đại biểu cho giai đoạn này là cái bia ở chùa Bảo An đời Lý và bốn bài phú nôm đời Trần.

Trong giai đoạn này, phép cấu tạo thông dụng nhất là phép giả tá; nói cách khác là cố nhân mượn những chữ hán đọc na ná giống tiếng Việt để viết thành chữ nôm. Toàn bài “Cử trần lạc đạo” chẳng hạn có 1.482 chữ thì đến 1235 chữ nôm cấu tạo theo phép giả tá, tức 83 phần trăm.

2— Giai đoạn thứ hai thuộc đời Lê sơ. Đại biểu cho chữ nôm giai đoạn này là các cuốn QUỐC ÂM THI TẬP, HỒNG ĐỨC QUỐC ÂM THI TẬP, CHÍ NAM NGỌC ÂM GIẢI NGHĨA v.v...

Trong giai đoạn này số chữ cấu tạo theo phép giả tá đã giảm bớt dần, chữ hình thanh và hội ý đã tăng thêm. Trong mười bài đầu của cuốn QUỐC ÂM THI TẬP có 538 chữ thì 381 chữ giả tá, 126 chữ hình thanh và hội ý. Vậy số chữ giả tá chỉ còn bảy chục phần trăm.

3— Giai đoạn thứ ba được tiêu biểu bằng các cuốn HOA TIÊN KÝ và ĐẠI NAM QUỐC SỬ DIỄN CA thuộc các đời Lê mạt và đời Nguyễn.

Lấy hai chương đầu của cuốn Hoa tiên ký ra mà xét thì thấy số chữ hình thanh đã lên đến một phần ba tổng số.

Mặt khác càng về sau yêu cầu chính xác càng phát triển cho nên có những chữ nôm mới được đặt ra để thay thế cho những chữ cũ (thiếu chính xác). Cứ theo chiều hướng ấy, chữ nôm được cải tiến cho đến cuối đời Nguyễn, tức cho đến ngày nó bị đào thải để trở thành một thú tử ngữ.

Sau các phân chính yếu là trình bày về nguồn gốc, về phép cấu thành, về diễn biến của chữ nôm, tác giả dành ra một chương sách để dạy cách đọc chữ nôm, và một phần phụ lục để tìm hiểu về chữ nôm của người Tày.

Số là năm 1941 ông Nguyễn văn Huyền đã phiên âm và dịch ra tiếng Pháp 1716 câu hát của người Tày chép bằng chữ

nôm Tày.

Sau khi phân tích thứ chữ này, ông Đào duy Anh nhận thấy non nửa số chữ mượn nguyên ở chữ nôm Việt Nam, và hơn nửa số chữ còn lại được tạo ra cũng theo qui cách của chữ nôm Việt nam. Vậy có thể khẳng định rằng chữ nôm Tày là em ruột của chữ nôm Việt nam.

VĂN CHUỖNG

SÁCH BÁO MỚI

Chúng tôi nhận được :

-- Thi phẩm *Ngày mẹ về* của Hoài Việt do Lá bối xuất bản tại Pháp. Sách dày 20 trang, gồm 10 bài thơ về tình mẫu tử. Sách không đề giá bán. Địa chỉ nhà xuất bản : 69 Boulevard Desgranges, Bâtiment B, 92330 Sceaux, France

-- *Đặc san tháng tư 1979* của nhóm sinh viên Việt nam tại đại học Long Beach, do Trần Quảng Nam, Nguyễn hữu Lộc, Văn công Gia, Vũ Tâm Hoan chủ trương và biên tập.

-- *UCLA đặc san* của nhóm sinh viên Việt nam tại đại học UCLA, do Giáng Hương, Lê Lực, Lê hữu Tâm thực hiện.

-- Tạp chí *Hành Trình* số 11, bộ mới, do Cao thế Dung làm chủ nhiệm kiêm chủ bút, Vĩnh Liêm làm tổng thư ký.

Chúng tôi xin trân trọng cảm tạ các tác giả và ân cần giới thiệu cùng quý vị độc giả.

V.H.N.T.

nói với

em lớp sáu

Lần trước V.H.N.T. trình bày bài thơ tình lạ lùng của một bậc... sử tổ. Lần này, không phải là tác phẩm của một thi hào thi bá nào, không phải của một nhân vật lẫy lừng nào trong các giới văn học, chính trị, tôn giáo, triết học v.v... Lần này là một trường hợp kỳ dị hơn: bài thơ duy nhất, có thể là đầu tiên (?) của một thiếu nữ chưa hề có chút tên tuổi gì trên văn đàn, một nữ sinh trung học.

Nguyên vào tháng 2 năm 1975, hai tháng trước khi mất nước, bộ Giáo dục tổ chức một cuộc thi văn chương giữa các trường trung học toàn quốc. Ban giám khảo gồm có các vị: Bình Nguyên Lộc, Võ Phiến, Lê tất Điều, Nguyễn Mộng Giác, Minh Đức Hoài Trinh, Minh Quân, nữ họa sĩ Tố Oanh.

Giai phẩm Xuân của trường nữ trung học Gia Long đã được chọn trao giải nhất, giai phẩm trưởng Bùi thị Xuân (Hà-lạt) được giải nhì.

Trong giai phẩm Bùi thị Xuân ban giám khảo gặp một bài thơ lạ lùng: **Nói với em lớp sáu**, của Trần Bích Tiên. Bài thơ được đăng ngay lên một tạp chí uy tín ở Nam-Việt nam là tờ **Bách khoa**.

Sau bốn năm sống ở ngoại quốc, bây giờ đọc lại bài thơ họ c húng ta sống sót trước hình ảnh và tâm linh của một người con gái Việt nam, tưởng như gần gũi mà đã hóa xa xôi. Một cái gì rất thân thiết mà chúng ta đang mất dần, không cách nào lưu giữ nổi.

Nói với em lớp sáu, thế còn "chị" lớp mấy? Cao nhất trưởng Bùi thị Xuân là lớp 12, chẳng qua cũng chưa quá

khỏi bậc trung học. Ở xứ Mỹ này, con gái ở high school
hãy còn nhẹ nhõm vô tư lự biết mấy. Thế mà "chị 12"
trong thơ Việt nam nặng trĩu ưu tư, u hoài, tâm hồn chát
chứa đầy kỷ niệm. Bài thơ cho thấy mức độ trưởng thành
về tình cảm của một người con gái trong xã hội Việt- nam.
Trưởng thành sớm quá, sớm không ngờ.

Còn đang ở trung học nàng đã mất tuổi hoa niên, và kêu
than cảm động :

Thôi nhé em về con phố dưới
Giữ hoài cho chị tuổi Hoa Niên.

Thấy rằng bước chân em lép sấu nhanh hơn bước chị,
rằng cặp em đầy vãn nhẹ tênh mà sách trên tay chị nghe
chùng nặng, nhận thấy được những cái ấy phải là người rất
tinh. Phải tinh lắm mới ý thức được độ "chín mùi" của tình
cảm mình như thế.

Tâm hồn sớm chín mùi ở một thiếu nữ, ấy là vì hoàn -
cảnh đau buồn (ba má nằm dưới mộ, vườn nhà bị thiếu hủy)
hay chỉ vì cái khung cảnh nổi què hương, ở đó con gái
sớm có thái độ u ẩn, chín chắn ?

Này em lớp sáu này em nhỏ
"Gặp em rồi muốn thưa không quên."
Trời ơi câu đó ngày hôm trước
Ai rót vào o hồn chị hỏi em ?

Chúng ta cũng kêu theo: Trời ơi, đọc cô rồi, muốn
thưa không quên! Xa quê hương, chúng ta nhớ biết bao
cái hình ảnh người thiếu nữ Việt nam u hoài, với bước
chân chậm rãi và tay sách trĩu nặng ấy !

Tác giả bài thơ này hiện ở đâu ? Nếu nàng đã thoát
ra hải ngoại, V. H. N. T. mong được liên lạc với thi tài
ấy.

V.H.N.T.



Này em lớp sáu này em nhỏ
Gặp em rồi không quên em đâu
Chiều nay hai đứa về qua phố
Rất tự nhiên mà mình quen nhau

Em chạy tung tãng không mắc cỡ
Chị thì bước bước chậm theo sau
Tuổi mười hai chị xa vời quá
Chị gọi em chờ, em chạy mau

Này em lớp sáu này em nhỏ
Em hãy dừng chân một chút lâu
Chị vuốt tóc em rồi chị nhớ
Tóc em thơm ngát mùi hương cau

Hương cau vườn chị xa như tuổi
Ba má chị nằm dưới mộ sâu
Vườn cũ nhà xưa tàn với lửa
Chị đi về hai buổi âm u

Gặp em ngoài phố mình như bạn
Thôi mộng trong bàn tay nắm nhau
Chị ngắt cho em hoa cúc nhỏ
Em cười cái miệng mới xinh sao

Ngày xưa chị cũng như em chứ
Cũng rất ngây thơ rất ngọt ngào
Chị nhớ mỗi chiều tan học sớm
Bạn bè đuổi bướm thật rộn rạo

Những con bướm lượn trên bờ cỏ
Chị cũng như em chạy đuổi mau
Bây giờ bướm biết trên đường phố
Em đuổi sương mù chổi chiêm bao



Này em lớp sáu này em nhỏ
"Gặp em rồi muôn thuở không quên"
Trời ơi câu đó ngày hôm trước
Ai rót vào hồn chị hồi em ?

Sắc h trên tay chị nghe chuông nặng
Sao cặp em đây vẫn nghe lành ?
Thôi nhé em về con phố dưới
Giữ hoài cho chị tuổi Hoa Niên.

TRẦN BÍCH TIẾN

PHÂN ƯU

*Chúng tôi thành thực chia buồn cùng anh chị
NGUYỄN VĂN MINH và các cháu, qua tin*

**Cụ Bà NGUYỄN NGỌC CHÂU
Nhũ danh HỒ THỊ TÝ**

*từ trần tại Việt Nam ngày 5.4.79, hưởng thọ
63 tuổi. Nguyên cầu hương hồn Cụ tiêu điều
miền cực lạc.*

Tòa soạn VHNT.

NHẮN TIN

Họa sĩ Vũ thái Hòa liên lạc gấp với Vĩnh Liêm tại
địa chỉ :

HÀNH TRÌNH Magazine
National Press Building
F & 14th Street N.W. #1044
Washington DC. 20045

Sách Việt hải ngoại

THƠ CAO TẤN

L.T.S. Thi phẩm ra đời đã lâu; bài phê bình cũng được viết từ lâu. Tuy nhiên, vì mỗi cảm tình riêng, bấy lâu bài vẫn còn đợi đồ đệ có dịp trao cho V.H.N.T.; mặt khác, thơ Cao Tấn đến nay chưa hết lăm xôn xao lòng người di tản.

Vì vậy, chúng tôi lấy tâm hậu hạnh dâng tãi bài của một cây bút quen biết, bạn Hoàng Vũ Đ.V., nhận định về thơ Cao Tấn.

V.H.N.T.

Tập Thơ Cao Tấn là một tập thơ tôi mong đợi. Tôi không nhớ bài thơ đầu tiên tôi đọc được của Cao Tấn là bài thơ nào, đăng trong Bút Lửa. Hình như là bài tản cũng bằng

hai câu:

‘Này biển chiều sóng xô ào lớp lớp
Những tiếng đời phiêu bạt khóc thương nhau’...
lâm tôi nhớ lại hai câu thơ cổ của Thôi Hiệu:
Nhật mộ hương quan hà xứ thị
Yên ba giang thượng sử nhân sầu
(Chiều buông quê cũ nơi đâu
Sóng ỏi ngửng khói cho sầu người ngoại.)

(HVDV dich)

Cũng một buổi chiều ngồi bên bờ nước nhớ nhà, nhớ quê, nhưng nỗi buồn của Cao Tấn không nhẹ nhàng, phẳng phất như nỗi buồn Thôi Hiệu, nhưng thực bi thảm và thống thiết vì là nỗi buồn mất nước, mất nhà, mất tất cả nơi xưa chôn cũ cùng với những người thân yêu nhất trên đời.

Từ ngày biết tiếng thơ Cao Tần, mỗi kỳ nhận được Bút Lửa là tôi phải tìm ngay xem có thơ Cao Tần không để đọc trước. Cao Tần là ai? Tôi có hỏi anh Võ Phiến thì chỉ được anh cười trả lời cho biết có lẽ cũng là chỗ quen biết cả nhưng muốn mãi danh ân tích đó thôi.

Thơ Cao Tần tôi nhận được nhân dịp Bút Lửa đình bản, như một đứa con có nghiệp nặng và mạng lớn, khắc cha mẹ. Tôi nhớ lại, khi ở bên nhà, tôi không được biết một "hời thơ" nào có hời thơ Cao Tần, cho nên tôi nghĩ rằng sang đây Cao Tần mỗi làm thơ, như một nhu cầu để giải tỏa nỗi lòng u ất, đầy hiên ngang ngạo mạn, pha lẫn một chút châm biếm tế nhị và nhiều đắng cay chua chát. Như gần hai trăm ngàn đồng bào di tản, Cao Tần sống một hoàn cảnh đổi đời, nước mất nhà tan, thân mình trôi dạt đến bờ bên này Thái bình dương sống nhờ đất người. Hoàn cảnh ấy phải có tiếng thơ ấy. Như thời Chiến quốc có tiếng thơ Đỗ Phủ, và thời quốc cộng nội chiến ở Việt nam có tiếng thơ Tú Kếu.

Tập thơ do tạp chí Bút Lửa và nhà xuất bản Người Việt thực hiện, giá bán \$2.50, khổ nhỏ bỏ túi, 56 trang, in áng chữ viết, trên giấy màu hồng (màu có lẽ không hợp với tứ thơ và tâm trạng, tinh thần của tác giả). Tranh bìa do họa sĩ Nguyễn Văn Mịch vẽ: hình một con ngựa hoang phi trên đỉnh đồi, vó câu ruỗi bước mã còn ngoái cổ nhìn lại vầng trăng lên. Hình ảnh vầng trăng xưa có lẽ, và ai biết

được tâm trạng con ngựa hoang này ra sao, rất có thể cũng “hồi đầu tử cố hương” như thi sĩ (1) vậy:

“Trăng thu sáng lạnh ngợp lòng buồn
Nước mắt không rời cảm lệ tuôn
Xa rồi ! năm tháng hưởng thu cũ
Mất nước tha hương nhớ cội nguồn...” (HVDV)

Tập thơ gồm 17 bài thơ không đề, hầu hết là thơ 7 chữ và 8 chữ, chỉ có hai bài thơ lục bát, và vài câu 9 chữ nữa đó thôi.

Tập thơ mở đầu bằng những câu nhà thơ trả lời cho câu hỏi của “Bà Tiên Hiền” hỏi thi sĩ, “chàng lưu lạc”:

Còn ước mơ chi cuối cuộc đời này ?
Câu trả lời thực đơn sơ, mộc mạc những nỗi khó thực
hiện làm sao ! Thi sĩ
“... ước khi không bằng tỉnh giấc
Thấy bình minh muộn nắng đầy hiền
Một khung cửa sổ trời xanh ngắt
Đầu sâu xao xác tiếng chim quen
Đường phố ngất ngây mùi bụi mới
Những vòm cây biếc lá me tươi
Quán cóc sở ta bạn bè đã đợi
Rất từng bằng đầu hót những buồn vui”
Ước mơ đó có bao giờ được thực hiện ? hay không bao
giờ ? Chỉ thấy giấc ngủ hiện tại của người thơ đầy ảo mộng:

“Chợt nhớ lại, ô, đêm qua khiếp quá
Mình đã mơ một giấc thật kinh hoàng
Mở thấy cả một quê hương đồ vớ
Mình lên đường ngỡ ngẩn kiếp lang thang”. (tr.4)

Sau giấc mơ kinh hoàng đó, nhà thơ chỉ trả lời Bà Tiên Hiền xin bà:

“Hãy đem hết những đời đời tan tác
Gối giùm vào cơn mộng dĩ đêm qua”. (tr.5)

Câu trả lời bà tiên được gửi vào tháng 8 – 1977, hai năm sau cuộc “đổi đời tan tác” của đám người tị địa, tránh

(1) Lý Bạch.

quốc nạn, tâm tự do.

Tập thơ Cao Tần là một tâm sự tha hương, tha hương và mất nước. Thi sĩ coi đời như bỏ, chỉ muốn cùng một vài người bạn tâm giao xa lánh cảnh đời vay mượn này vào sa mạc cùng vài ly rượu và

“Ngồi thiền lặng lẽ như cây cỏ
Quyết lòng tịnh khẩu để nhâm nhi” (tr.7).

Nhưng:

“Phưởng Nam bão cát lên như khói” (tr.7).
khiến cho trước cả nh chiều tà, thi sĩ lại cảm lòng không được và thấy tại mình lắng nghe lời bạn mình tâm sự:

“Thôi đẹp bây giờ là chiêm bao
Tình nàng bây giờ là kiếp trước” (tr.7).

và muốn nghe ngao hát ‘dăm tiếng ca xưa’. Tiếng hát ấy được khuyến khích hát lên:

“Dù nghe bạn hát chỉ thêm đau” (tr. 6).
bởi vì dù sao tiếng hát đau thương ấy cũng vẫn là niềm vui cho tâm hồn người di tản, tưởng lại, ngay mai chỉ dành cho một nỗi buồn tên nhĩ khó tìm ra tri kỷ :

“Cứ hát, ta nghe mà bạn quý
Mai đời di tản lại buồn tên nhĩ

Rồi ra cặp được đào thơm Mỹ
Bạn sẽ trăm năm hát một mình” (tr. 8).

Đọc hai câu thơ ở cuối, chúng ta không nhịn được mỉm cười : người thơ trong cảnh buồn của nội tâm mà vẫn còn hài hước và gói ghém được cái bất khả hợp của hai giống người. Cái quan niệm, hai văn hóa trong hai câu thơ 14 chữ ! Cái *shock* văn hóa – *the cultural shock* – mà trước kia mình chỉ nghe thấy nói đến, bây giờ mình trực tiếp kinh nghiệm nó trong bản thân mình, bè bạn, và đồng hương !

Nỗi đau, nỗi buồn, lấy cách thức đo lường nào của khoa học mà lượng được ? Nỗi đau vốn chủ quan, làm sao mà biết được nỗi đau nào hơn nỗi đau nào ? Đành chỉ biết so sánh nỗi đau của mình ngày nay với nỗi đau của mình thừa trước, và mình sẽ biết rằng nỗi đau của mình ngày

may là nỗi đau lớn nhất vì không có lời nào diễn tả nỗi nó được. Nỗi Đau nghe gần gũi tiếng Đạo bất khả đạo, chỉ cảm được mà vô ngôn. Thi nhân chứng ngộ rồi, ý thức được chân lý của **Đường Đời** rồi, nó nằm gọn trong một chữ Đau của nhà Phật, nỗi đau không lời. Đau không có lời để tả và giải tỏa nỗi — nỗi đau quê hương đói vỡ, nỗi đau kiếp mình ngộ ngẩn...lang thang — nhà thơ tìm phương giải thoát với thiên nhiên, với sông hồ, với chim trời, cá biển và cây rừng...

“Ta đã vượt muôn dặm dài biển cả
Đường tử sinh lui tới cũng đôi lần
Bỗng bình minh này ngồi thuyền, câu cá
Trời dật dờ n hủ lá trên hồ xanh,

Này chú cá rong chơi miền nước biếc
Ta vượt đường muôn dặm chẳng tìm nhau
Bầy đặt bụng cần mà quên thưởng tiếc
Cho đời êm, qua được mấy giờ đau

Nói nghe coi này cổ thụ ven hồ
Kể từ nghìn g trăm năm dài đứng đó
Có gặp khi nào một kẻ xác xơ
Lòng sâu hận hờn kiếp người da đỏ

Đời đang bão khi không chìm lặng ngắt
Như cành khô nằm chết đáy sông sâu
Đời đang dậy sóng thân lên bãi ngắt
Bỗng vui yên đáy biển một thân tàu

Và móc đời lên cần câu vô vãn
Đem chìm chơi trong đáy nước rong rêu
Tuổi chưa nặng hờn đã chứng ngộ ngẩn
Lòng vãng khô hỏ chiếc lá tựa vèo. (t. 10).

Thơ Cao Tần còn 13 bài nữa, mỗi bài là một sử bất ngờ cho người đọc, do ý thơ, từ ngữ và chữ dùng. Những điểm đặc biệt hơn cả của nhà thơ vẫn là ở chỗ nhận xét tình người, đối với bạn bè, đối với đồng đội cũ trong quân đội.

đối với cổ hương. Nghe Cao Tần nhắc tới bạn cũ, với những mĩa mai của hoàn cảnh, thực thấm thía nỗi đắng cay:

“Nhỏ nó xưa chọc trời xô núi
Thân nam nhi ngang dọc cõi bờ
Bỗng đi tản ra thân lủi xúi
Trong trại xếp hàng châu cốm như mớ.

Trong trại sáng giết mình khóc nước
Đêm, bụng đầy nhọc rượu tìm quên
Goi vỏ trong mớ, gạo con lúc thức
Năm thú trần trọc, đứng thi điên.” (tr. 12-13).

Và chúng ta mới hiểu được tâm trạng của những chàng Tử Thức về trần đời, biết rằng về nhà, về Việt nam, bằng con thuyền *Việt nam thương tình* là sẽ khổ, sẽ chết, mà vẫn cứ về, để hy vọng được gặp lại vợ con, cha mẹ, họ hàng, — một hy vọng hảo huyền—.

Tâm trạng người mất nước là khổ. Về cũng khổ:
“Thằng bạn cười buồn, tác phong lính chiến
Thôi coi đời tao là con củ... khoai” (tr. 13)
mà ở lại cũng khổ:

“Thiên đang mày hụi thì tao đang sống

Cũng ngất ngưởng đời như... con củ khoai” (tr. 14)

Mất nước là mất hết. Ở Mỹ không có ai chết đói, có thể nói tu'ông đời không có ai khổ về vật chất so sánh với bên nhà, những ai này đều than khổ về tinh thần. Đa số người mình có lẽ làm công việc lao động, lương căn bản tối thiểu, nhưng cũng đủ để trả tiền ăn, tiền nhà, tiền điện nước, tiền xe hơi. Trông bề ngoài, nhất là nhìn từ bên nhà, thì thấy ai cũng sung sướng cả. Nhưng còn tâm sự nào nề bên trong, ai mà biết được?

“Ngày ngày phóng xe như thẳng phải gió

Đêm về nằm m' vui nước mắt chứa chan.” (tr. 16)

thường thân mình, thường nhớ người thân yêu đang khổ sở điều đứng trám bề xa cách cả một lục địa và một trùng dương xót xa cho vận nước điêu linh:

“Bài học lớn từ khi đến Mỹ

Là ngày đêm thương nước mệnh mạng” (tr. 18)

Nửa đời người rồi, nơi tha hương phải học ăn học nói theo tục lệ n gôn ngữ của người, còn “tiếng mẹ thường chỉ dùng chửi đổng” khi có chuyện buồn bực “hay những đêm sâu tử toáy làm thơ” (tr. 17).

Thơ là phương thức để thi sĩ giải tỏa nỗi niềm u ẩn , nhất là khi tiếp xúc với thiên hạ thấy :

“Tình người nhỏ hơn que tằm”.

mặc dù có “đất trời bát ngát” (tr. 17). Thi sĩ cảm thấy mình mất hết hồn nhiên và già nua cằn cỗi như tuổi trời đến cả nghìn năm”, và ông bồng th., trong lòng thù hận đám người vong bản đem lý thuyết ngoại lai làm ‘nghèo xỉ’ nước mình, và nói lên một cuồng vọng ao ước được trở thành một anh hùng để cứu quê hương, cho tất cả đám người ấy vào trại học tập ‘cải tạo’ học tập yêu thương thay vì hận thù. Khi ấy:

“Cuộc chiến cứ sẽ coi là tiền kiếp

Phản động gì cũng chỉ sống trăm năm

Bồ bịch hết không đưa nào là ngụy

Thắng vinh quang mà bại cũng anh hùng” (tr. 18)

Người thường thức thơ Cao Tần không khỏi nghĩ rằng nhà thơ đã thực thấm nhuần tinh thần của cả Phật lẫn Chúa mà giáo lý đã được gieo truyền từ nhiều thế kỷ nay trong tâm hồn dân tộc và đã là kim chỉ nam xử thế nhiều đời. Tinh thần ấy không có chỗ để cho hận thù có đất sinh trưởng.

Bài thơ số 7 đã làm phai mờ hẳn bài *Nhớ rừn g* của Thế Lữ năm xưa hồi Pháp thuộc. Chuyện:

“Dăm thằng khùng họp nhau bàn chuyện lớn

Gánh sơn hà toan chắt thủ lên vai

Chuyện binh lửa anh em chứng cũng ớn

Dọn tinh thần của n hẹ đỡ ba chai .

Rừng đất khách h bạt ngàn màu áo trận

Xong hiếp đầu mây núi đã băng khuâng

Hào khí bốc đủ mười thành chất ngất

Chuyện vá trời coi đã nhẹ như không

Một tráng sĩ vung ly cười ngạo mạn
Nửa đời xưa ta trấn thủ lưu đồn
Nay đất k há ch kéo lê đời rất nản
Ta tính sẽ về vượt suối trèo non...

Sẽ có lúc rừng sâu bưng chuyển động
Những hùm thiêng cửa móng thét rung trời
Và sông núi sẽ vươn mình trời dậy
Và cờ bay trên đất nước xinh tươi "...

Một tráng sĩ vô em chứng sáu cõi :
"Thân Tự Do giờ đứng ở nơi nao ?
Ta muốn đến leo lên làm được mỗi
Tự đốt mình cho lửa sáng xem sao..."

Thân Tự Do giờ hoài cây đuốc lạnh
Ta tiếc gì năm chục ký xương da
Sẽ làm được soi tìm trong đáy biển
Những oan hồn ai bỏ giữa bao la..."

Bình mình tôi một chàng bưng tỉnh giấc
Thấy chiến trường la liệt xác anh em
Năm tráng sĩ bị mười chai quất gục
Đời tha hởing coi bỏ vẫn êm đêm

Sân gác trọ những tâm hồn bão nổi
Những hão hùng uất hận gởi lên nhau
Kẻ thức tỉnh ngu ngơ nhìn nắng mới :
"Ta làm gì cho hết nửa đời sau ?..."(tr.19-22)

Tâm trạng nhớ nước trong hoàn cảnh đố vỡ của quê nhà là tâm trạng chung, nhưng có lẽ chưa có ai diễn tả đầy đủ như Cao Tấn, vừa tình thần, vừa thể chất như tâm trạng nhớ nhung của một người tình nhớ người yêu hay một người con nhớ mẹ :

"Chiều nay ra biển ngồi ngơ ngẩn
Những hai giò trong nước Thái bình dương
Đời hởi ta đặt về bờ Ô Cáp

Chạm thân ái vào hững đất mẹ tang thương" (tr. 20)

... "Thở thật dài vào thính không bất ngờ

Theo gió về động lá cánh rừng xa..." (tr. 21).

Những gì còn lại nổi què sữa chồn cũ hô y giờ – được gói người gói g hém thật kỹ, dấu đi ở một nơi nào kín đáo, chắt trong tâm hồn, chắt – chiu từng chút và không để gì làm chia – xẻ với ai, như chuyện “chàng Cù Lân cò cẩu trong đống” trong bài thơ số 9, trong chứa đựng một miếng – vải, – gia dúi tay cho lúc lên đường, một chiếc khăn tay – – cũ xit, màu nâu già thêu mây chữ xanh xanh của “cổ – – họ ngày vào quân ngũ, và những danh thiếp cũ, những tên – – gọi, tên tỉnh – đã xa xưa :

“Cái túi nhỏ tưởng đầy lòng từ thiện

Hỏa đem theo muôn vạn mảnh quốc nhũ” (tr. 22)

Thi sĩ cũng như chàng Cù – Lân, cũng có một “lòng từ – – thiện thiết” dấu ở trong tim :

“Với khăn tay nhàu nát – chũ thêu xanh

Với danh thiếp những tên đường đã đổi

Những số nhà chớp mắt đã tang thương

Những chỗ hẹn nghìn năm không trở lại

Những tên đời tôi tả khắp quê hương.” (tr. 27)

Nếu bài thơ số 7 đã làm phải mở bài *Nhớ rừng* của T – – h, thì phải nói bài số – 10 *Thư quê hương như tên hề* để – – ông đã làm quen bài thơ *Truyện an* của Đỗ Phủ :

“Thư quê hương như tên hề ốm nặng

Hồn tang thương sau – mặt nạ tươi cười

Son phấn h – a n hoan phủ nghìn cay đắng

Mắt lệ đầy minệg hát – những lời vui

Ta biết thư e m vượt muôn cửa ải

Mắt sài lang xoi bôi cả linh hồn

Em chẳng được khóc cùng ta bằng chữ

Thì gửi chi dăm khẩu hiệu buồn nôn

Gửi cho anh vài sợi tóc mẹ già

Rụng âm thầm trên hiên chiều hiu quạnh

(Nuôi một bấy con, cuối đời vẫn lạnh)

Cho anh – h ôn ớn nặng một thời xa,

Anh muốn thở mùi nhọc nhằn nô lệ
Gửi cho anh manh áo rách con thơ
Con chào đời, ta rùng sau lính trẻ

Ta non cao, con tập nói u ở
Giờ bước dẫu đôi chân non vấp ngã
Sao nâng con qua triệu lớp sương mù

Gửi cho anh viên sỏi nhỏ bên đường
Anh sẽ đọc ra trăm nghìn lời cũ
Gửi cho anh vại nhánh cỏ quê hương
Anh sẽ đọc đất trời ta đã thở

Và gửi cho anh một tờ giấy trắng
Thấm nước trời quê qua mái dột đêm mưa
Đề' anh đọc : mệnh mông đời lạnh vắng
Em tiếc thương hoài âm áp gối chần xửa' (tr 30 - 32)
Phải xa quê mới thấy nhớ quê, như khi mãi người thân
rồi mới thấy hối tiếc những ngày gần gũi nhau sao không
biết nhường nhìn nhau, thương yêu nhau và sống êm êm
với nhau. Bây giờ phiêu bạt sang đây sống giữa đám người
khác giống, cử chỉ, ngôn ngữ, cách xử sự đều lạ lẫm khó
hiểu, 'tiếc xửa' thì đã muộn

'Chỉ gặp toàn Tây một chiều bát phở
Tiếc sao xửa cả nước chẳng quen nhau
Quen cả nước ? Ra đường chào gãy cổ
Vả chắc gĩa nay nghĩ lại không sâu

Những quen cả nước chắc lòng sẽ nhẹ
Khi đi có chào may bắt xót xa
Ôi ! xóm xửa ơi khi nào đổi kiếp
Tôi về thành chim hót trước hiên nhà'. (tr. 35)

Sống trong xã hội người, thích ứng với hoàn cảnh hiện
tại là một điều thật khó khăn, thật khổ tâm. Tự nhiên thì
sĩ luôn luôn thấy mình sống với dĩ vãng, níu lấy dĩ vãng để
mà sống. Nhưng một ngày nào đó, thì nhân bản ý thức ra
rằng thời gian đã lâm dĩ vãng cũng phải phai mờ khi :

Đôi đầu ngày bằng một chút vơi,
Đôi bên ngao trong lòng xe rỗng tuếch
Đôi em quên bỗng chợt quên lời
‘kỷ niệm còn lại mất khỏi khỏi’ (tr. 36)
Đôi trong cuộc sống mới, phải đứng ngôn ngữ mới,
Đôi chưa xét nhận chân rằng :

‘Đôi Việt trong ta ngày mỗi héo
Đôi Việt trong ta ngày mỗi khô’ (tr.37)
‘Đôi buồn, nỗi chán càng thâm thía. Sáng ngày ra đi l.
Đôi đỉnh sống mù thông đáy vực
Đôi đường chênh lệch nắng mệnh mang
Đôi xuôi một mảnh hồn lưu lạc
Đôi bên nhân gian ở cuối đường’ (tr. 37)
‘Đôi về lên dốc thân tôi tả’, lại thấy cảnh:
‘Đôi đỉnh sống mù thông đáy vực’
‘Đôi nhận cảm thấy mình chỉ còn là một linh
Đôi ngó ngó ngẩn :

‘Đôi lưng gánh một đôi lưu lạc
Đôi trăn nghìn cân nhớ nước non’(tr.38)
Đôi đã ma đạo hai câu thơ này chắc cũng phải nở m.
Đôi sang sống mã tâm tắc hậu sinh khả úy.

Đôi kỷ niệm bị thời gian làm phai mờ, thì nhân cảm
Đôi vào kỷ niệm để sống, như một người sắp chết được
Đôi vào một cái phao. Những kỷ niệm xưa dù có phai
Đôi những vẫn vốn đầy tươi mát, đủ để làm bớt khô tâm hồn
Đôi

Đôi hoàn cảnh hiện tại :

‘Trong cơn g yên xưa có chiếc ghế đá
(Gió dầm mưa chiều hay tưới nắng mai?)
Ghế như gà, bên hàng thông, em nhỏ ?
Ta bên nhau trên đó những ngày vui.

Chiếc ghế từng nghe lá úa thở dài
Hay đôi cỏ mùa xanh cười rực rỡ
Chiếc ghế từng ngậm ngùi
Của thời em rất nhỏ

Em hãy đến tìm ở nhà thờ đồ
Ngôi thánh đường gạch hồng như son
Nơi ta cũng quanh quẩn những hoàng hôn
Tìm kỷ niệm, ngay sau cây Thánh giá

Em hãy tìm về sau căn nhà cũ
Đứng bên rào mả ngó lại vườn xưa
Em nhớ nhé, dưới tán cây trũng cá,
Những trái mọng lؤل trong ánh nắng sau mưa

Ở góc vườn còn một viên gạch vỡ
Nơi nầy mầm hy vọng một lần đưa
Kín đáo nghe em, giờ nhà đổi chủ
Những kho tàng ta chắc còn nguyên do

Đứng trước vườn xưa em hãy mỉm cười
Dù môi buồn đã héo xanh thương nhớ
Nuốt lệ thầm và cười cho tươi
Như chiều xưa đón anh về hôn hử
(Kho tàng ta có một ông thần
Nụ cười em là câu thần chú
Thần chú đọc xong, kho tàng sẽ mở)

Kho tàng ta có em yêu nhìn xem
Đuối ghề công viên anh giấu thời thơ dại
Trên tháp nhà thờ anh giấu niềm tin
Trong vườn cũ anh giấu thời hạnh phúc
Nụ cười em anh giấu trái tim

Hãy chia cho anh một nửa kho tàng,
Để cũng tiêu trong chuỗi ngày khốn khổ
Thêm một lần thứ sáu trắng đêm
Để hôn về một Sài Gòn đang sống

Gỗ tuyệt vọng của thiên đàng đã đóng
Xin chia nhau ngày khốn khổ cùng em."(tr.40 - 43)

Cảnh xưa còn in trong trí nhớ dù có phai mờ với thời
gian, và thì nhân bằng khuâng tự hỏi cảnh ấy bây giờ ai
là người biết thường thức trong cuộc sống mỗi bên nhà

Nhà nước' chỉ chủ trương có một mục đích là kinh tế đứng đầu và tình cảm chỉ là một thứ xa hoa làm trở ngại tiến bộ:

“Chú nào đi đường ta bình minh này
Cố nhớ chào dân xóm ta dậy sớm
Cố nghe thơm mũi bụi mỗi đầu ngày
Trong lá hoa tuổi mừng nắng lớn

Chú nào trưa nay ngồi trên đồi ta
Thở gió thông k hô quen tự kiếp trước
Đếm nắng hoa sao nở đây trên hồ
Trưa thật tuyệt vời, đẹp hơn mở nước

Chú nào ngồi trước hiên nhà ta chiều nay
Nghe mưa Sài gòn rạ rạo thơm mát
Sau một ngày nấn g lóa chín tầng mây
Những má i tôn mưa cười ran hạnh phúc

Chú có biết yêu thương vài nụ hồng
Đã thắm tuổi trên giàn che cổng gỗ
Mưa menh mông xa đến cõi vô cùng
Vỗ rộn ràng vui trên từng lá nhỏ

Chú nào đêm nay kê đầu gối đỏ
Thở hương nồng hạnh phúc của trần gian
Có biết nỗi nghìn năm sau vẫn nhớ
Vẫn hai vai em ấm mãi ờn nâng ?(tr. 14—16)

Trong cảnh buồn, cảnh khổ, hiểu thêm về nhân tình h thế thái, với tâm hồn gần gũi thiên nhiên, thi nhân như biết rằng rồi ra mình cũng tìm được một lối thoát nó chính là con đường xưa của Trang Tử:

“Trên núi cao ta biết rành một chỗ
Có hòn đá xanh, có gốc thông già
Ngồi trên đá ông sẽ thành Trang tử
Hồn nhẹ tênh theo bướm lượn chiều tà”(tr. 50)

Nhưng bây giờ thì chưa, vết thương trong tâm hồn kẻ chiến bại vì bội phản vẫn chưa hàn gắn mặc dù một thời gian đã âm thầm lặng lẽ trôi qua. Trong kho tàng xưa còn

một tấm giấy c hững chỉ tại ngũ trong quân đội v ãn nhắc
nhở lại thời o a n h liệt xưa làm thi nhân chạnh nh ở lại
thấy lòng quặn đau :

“Nhìn hình chim in trên tờ chững chỉ”
Chợt nhớ câu thơ gãy cánh đại bàng
Ngàn lăm liệt tan trong chiều rã ngũ
Muôn anh hùng phút chốc hóa lang thang...

Ôi trong ví mỗi người dân mất nước
Còn một oan hồn mất mũi ngu ngơ
Ôi trong trí mỗi anh hùng thuở trước
Còn đây trời lên những buổi tung cờ”. (tr.54-56)

Tiếng thơ Cao Tần sẽ là một tiếng thơ thời đại, một
tiếng thơ lịch sử, — lịch sử của một cuộc chiến tranh — ý-
thức hệ giữa những người anh em trong một nước, lịch sử
của một sự b ội phản với kết quả là sự đau kh’ô v ô biên
của một dân tộc bé nhỏ những quả cảm và đầy tình người.
Ước mong của người viết bài này, nhân ngày giỗ thứ ba
của Cộng Hòa Miền Nam là tập thơ Cao Tần sẽ có duyên
được một tâm hồn thi nhân đồng điệu nào có đủ rung cảm
và hào khí để dịch sang tiếng Mỹ như một đóng góp bằng
vất hận, nước mắt và tha thứ của đợt sóng người đang đảo
đi tản đến Hoa kỳ trong một bối cảnh lịch sử mà chính
quốc gia Hoa kỳ, dân tộc Hoa kỳ đã góp phần lớn nhất tạo
nên.

HOÀNG VŨ Đ.V.

30 tháng 4 năm 1978
Mar Vista,
Los Angeles.

THỜI SỰ

Văn hóa

DOÃN QUỐC SỸ VÀ BẠN BÈ

Doãn Quốc Sỹ là một nhà văn mà cũng là một nhà giáo. Trong cả hai giới cầm bút và cầm phấn, họ Doãn đều có nhiều bạn bè thân thiết, vì Doãn quân là một người rất tốt bụng. Cả ông lẫn các nhân vật tiểu thuyết của ông đều dễ thương, không hề làm điều gì có hại đến người khác.

Ngày nay, Doãn quân bị chính quyền cộng sản giam cầm ngược đãi, một mặt cơ quan Ân xá Quốc tế đã lên tiếng can thiệp, một mặt bạn bè ở hải ngoại cố gắng giúp đỡ gia đình nghèo nhọc của ông. Giáo sư tiến sĩ Nguyễn quý Bổng ở Gia nã đại đang chủ xướng việc tái bản toàn bộ tác phẩm của Doãn quân tại Hoa kỳ để kiếm một món tiền nhằm mục đích giúp đỡ nói trên.

Được biết đã từ một năm nay có nhà xuất bản ở Mỹ đã in bán cuốn *Đồng sông định mệnh*, hẳn đã thu được ít nhiều trước việc làm của nhóm bạn Doãn quân, liệu nhà xuất bản họ có vui lòng phác một cử chỉ đẹp để đối với người có công trong văn học Việt nam suốt hai mươi năm qua ?

CẢI LƯƠNG TRÊN ĐẤT MỸ

Bốn năm sau cuộc di cư tị nạn của người Việt nam, một đoàn cải lương vừa được thành lập và ra mắt trên đất Mỹ.

Cuối tháng 6-79 này vào hai buổi tối thứ bảy 23 và chủ nhật 24, tại Los Angeles đoàn *Ánh sáng Miền nam* của La-thoại Tân và Duy Huê sẽ trình diễn hai vở tuồng *Tiếng bạc trong trăng* và *Thiên phụ Nam xướng*. Thành phần đạo kép gồm có Vũồng Kiệt, Hoàng Hùng, Đặng Hồng, Xuân Phát, Thu Vân, Kim Xuyên Lan, Hoài điệp tử.v.v...

Cải lương ở Việt nam được mê say như điệu đô. Để rồi xem vận mệnh nó trên đất Mỹ ra sao.

MƯA KHÔNG SA NỮA

*Cũng tưởng chiêm bao, tưởng mộng mơ
Tưởng sau hàng dậu bóng ai chờ...
Cũng tưởng đêm qua, tưởng đêm nay
Tưởng me say ngủ, tưởng đêm dài...*

Từ ngày xa quẽ hưởng, họa hoằn chúng ta mới được đọc những câu thơ ồm ồm như thế.

Người ta có thể diễn tả những tư tưởng tuyệt độ cao siêu bằng ngoại ngữ, những khó lòng biểu diễn một phong cách ồm ồm như thực thực duyên dáng như vậy bằng ngoại ngữ. Cho nên câu thơ làm người xa xứ càng quý ngôn ngữ dân tộc.

Nhân thưởng thức thơ, xin nói rõ một chút về người thơ. Người thơ phái nữ này lần trước đã có bài trên V H N T, ký tên Nguyễn thị Mưa Sa. Sau đó không biết vì sao vội vàng xóa tên cũ, đặt tên mới.

Gió táp mưa sa là phần dãi dẫu của mỗi dân di tản, nữ sĩ còn kiêng sợ gì nhi?

NGHỆ THUẬT VÀ CHẾ ĐỘ

Một loạt văn nghệ sĩ vừa trốn thoát chế độ cộng sản Việt nam ra đi. Đó là Trịnh Công Sơn, Thái Thanh, Phạm đình Chương Nguyễn đức Quang.

Các nhạc sĩ và ca sĩ nói trên hiện tạm trú tại Mã-lai, chờ ngày vào Hoa kỳ.

Trong số các văn nghệ sĩ này, có người như Trịnh Công Sơn đã từng có thời kỳ hợp tác khá chặt chẽ với nhà cầm quyền cộng sản. Rồi cuộc, khi có cơ hội, nghệ thuật vẫn tìm đến một môi trường tự do.

LẠI NHÀ VĂN VÀ NHÀ NƯỚC

Gần đây nhà cầm quyền cộng sản Việt nam thưởng cho *dám* Hồ ngọc Nhuận, Lý quý Chung lên đài phát thanh mang những tác phẩm của bản báo chủ nhiệm vừa viết ở hải ngoại ra trích

dẫn, xuyên tạc, vắn vẹo, công kích.

Thái độ ấy của nhà cầm quyền cộng sản Việt nam đối với Võ Phiến không có gì lạ. Hội Võ Phiến ở Nam, cộng sản ở Bắc vẫn ra sức đều đều công kích : cứ ít lâu trên các tạp chí văn nghệ của họ lại có bài 'nghiên cứu' về tác phẩm Võ Phiến. Bây giờ Võ Phiến ở Mỹ, cộng sản Việt lai vẫn tiếp tục ... truyền thông !

Trải mấy mươi năm, trước sau như một, vẫn chăm chỉ theo dõi đọc kỹ V P : Thế là ngoan. Tốt.

Cách nhau trừng dưỡng vẫn ... đem văn chương nhau ra bình luận, lời lẽ vòng qua đại dưỡng làm rộn ràng không gian : Thế là vui.

Điều đáng tiếc là nhà cầm quyền cộng sản không đánh giá được Chung Nhuận ; dám hồng kiêu. Lời nói bao giờ cũng là mong có tai nghe. Nhân dân miền Nam và bà con Việt kiều bị nạn làm sao nghe nổi giọng nói của đám Chung Nhuận ? Chỉ nhọc thân khuyên mả mà không nên cầm cháo gì.

SINH VIÊN VIỆT Ở MỸ

Theo thống kê của Viện Giáo dục Quốc tế thi Mỹ có chừng 11 triệu sinh viên, trong khi đó sinh viên ngoại quốc học tại các đại học Mỹ chiếm đến 235.509 chỗ.

Trong số sinh viên ngoại quốc tại Hoa kỳ thi Ba-tư nhiều nhất (36.220 sinh viên).

Nói chung thì sinh viên Á châu nhiều hơn các châu khác. Đài loan 13.650, Hưởng cảng 12.100, Ấn độ 9080, Nhật 9050, Việt nam 6.640, Thái lan 6.340, Nam hàn 4.220.

Ngoài Á châu ra, các nước này đáng chú ý : Nigeria 13.510, Gia na dai 12.600, Venezuela 7.420, Me 5.170, Anh 4050.

HÁT CHO NGƯỜI VƯỢT BIỂN

Ngày 2-6-79 vừa qua, hội Người Việt tại Central Valley Fresno, đã tổ chức đêm văn nghệ dành cho người vượt biển. Gia đình Phạm Duy góp mặt trong buổi trình diễn này, đem đến một thành công rực rỡ, xứng đáng.

MANH THƯỜNG QUÂN VĂN HÓA

Một nhà Mạnh Thường Quân vô danh vừa nhờ Hội quán Việt Nam tại San Jose loan báo một chương trình ủng hộ các hoạt động văn hóa Việt nam trên đất Mỹ. Điều khen như sau :

- 1- Thời hạn: 1 năm kể từ tháng 5, 1979, và sẽ gia hạn sau
- 2- Tiền ủng hộ: \$100.00 cho một công tác. Một người hay

một đoàn thể có thể nhận nhiều lần không giới hạn.

3- *Hình thức: Trình diễn hay sáng tác văn hóa không có mục đích thương mại.*

Để nhận thưởng xin liên lạc với hội quán Việt nam tại San Jose.

ĐÊM VĂN NGHỆ Ở SEATTLE

Nhân dịp Phật đản 2523 tại Seattle gia đình Phật tử Liêu Quân đã tổ chức một đêm văn nghệ xuất sắc thu hút số khán giả trên một nghìn rưỡi người.

Đêm văn nghệ được tổ chức tại hội trường trường trung học Lincoln, với sự góp mặt của nữ ca sĩ Thanh Thúy và diễn viên Việt Hùng.

GIÁO SƯ NGUYỄN ĐÌNH HÒA Ở SEATTLE

Ngay hôm sau buổi trình diễn văn nghệ Phật đản, giáo sư Nguyễn đình Hòa đã nói chuyện về văn hóa tại sân cỏ chùa Việt nam ở Seattle.

Trong hơn một tiếng đồng hồ, giáo sư Nguyễn đã trình bày những thành quả của mình trong việc phổ biến văn hóa phát huy ngôn ngữ Việt nam tại Hoa kỳ, và kêu gọi Việt kiều hợp lực trong công cuộc văn hóa này.

Hòa thưởng Thích Thiện An, có mặt tại buổi nói chuyện đã phát biểu ý kiến và nêu ra một số vấn đề đáng chú ý.

VĂN NHÀ VĂN VÀ NHÀ NƯỚC

Nhà văn Stefan Heym, một trong những cây bút sáng giá nhất của Đông Đức vừa bị nhà nước phạt 4.500 bạc về tội đã cho xuất bản ở Tây Đức (tức nước ngoài!) một cuốn tiểu thuyết.

Tác phẩm nhan đề là *Collin* có những chỗ thiếu lập trường vì không có cảm tình đúng mức đối với các đồng chí công an mật vụ Đông Đức.

Nhà văn Việt nam bị kẹt trong chế độ công sản có sách tái bản khá nhiều ở ngoại quốc, mà tác phẩm mới được viết ra mất ở ngoại quốc cũng không phải không có. Nghe đâu nhà cầm quyền Hà nội đang nghiên cứu chỉnh sách văn hóa của các đồng chí Đông Đức đủ lắm.

SÁCH G... GIÁ ?

Độc giả Việt nam chắc hẳn hãy còn nhớ cuốn *Nhật ký Anne Frank*, bản dịch, do nhà An tiem ấn hành ở Sài gòn thật đẹp. Cuốn sách ấy là một trong những tác phẩm bán chạy nhất trên thế giới sau Thế chiến II. Có những phần tử thân quốc xã bảo rằng đó là sách... giả! vì câu chuyện Anne Frank không có thật.

Anne Frank đã chết với chị tại một trại tập trung qu ốc xã hồi tháng 3-45, khi n ăng chưa kịp hưởng sinh nhật thứ 16. (Kể ra còn ba tháng nữa mới đến sinh nhật). Vì thế, tác giả cuốn nhật ký nọ không cãi v ả gì cả!

May quá, n ăng còn một người cha, ông Otto Frank, hiện 90 tuổi, còn sống tại Luân đôn (Đó là người duy nhất trong gia đình Frank còn s ống sót). Ông cụ Otto kiện lại kẻ vu cáo, xuyên tạc sách con, và thắng kiện.

N ăm nay, ngày 12 tháng 6, tức ngày sinh nhật thứ 50 của Anne Frank, ông cụ còn hoạt động để lấy tiền bỏ vào quỹ Co sở Anne Frank.

BÁO ĐỌC GIỮA TRỜI

Loại tạp chí dành riêng cho hành khách đi máy bay vừa làm một cuộc cách mạng kể từ 1976. Trước đó, hàng trăm triệu hành khách mỗi năm chẳng m ảy ai chú ý tới các tờ báo tạp nhạp nhét trong cái túi đặt đằng trước ghế hành khách. Số độc giả của các 'tạp chí đọc trên không' nay đã lên tới mức kỷ lục: 10 triệu mỗi tháng, hay 120 triệu mỗi năm. Con số trên quả là đáng kể nếu người ta biết 6 trong 10 tờ báo đọc trên không trung s ảng nước nhất là do công ty East-West Network xuất bản.

Đây là cơ sở cách mạng tiên phong trong việc khai thác thị trường to lớn nói trên. Sự thành công được tính theo số tiền quảng cáo thu được của 10 tạp chí s ảng giá là 20 triệu mỹ kim cho năm 1978. Tiền thu được do xuất bản là 20 triệu; trong số đó lời khoảng 2 triệu.

Phải chú ý tới tài ba của cơ sở East West Network trên ph ưởng diện bài vở nhằm thích hợp với tâm lý đặc biệt của thành phần khách hàng. Thống kê cho thấy hai phần ba số hành khách là 'hi-di-net-men' và các chuyên viên có s ố l ừa ng cao hơn 34.000\$ mỗi năm.. Cho hay thị hiếu và tâm tình con người trong xã hội văn minh luôn luôn bị tìm hiểu nghiên cứu để khai thác.

TRUYỆN TIỀN TIÊN

Một nhà phân tâm học Mỹ, bà Dorothy Bloch, nhận ra rằng trong rất nhiều truyện thần tiên có những chuyện cha mẹ (ruột hoặc ghẻ) tìm cách ám hại hay giết chết con cái. Thí dụ như truyện Thằng Bé Ti Hòn (Le Petit Poucet) bị bố mẹ bỏ trong rừng, như cô nàng Bạch Tuyết bị bà hoàng hậu (mẹ ghẻ) cho người giết, rồi chính bà cũng đích thân xuống tay v.v... Bà Bloch cho rằng trẻ con vẫn thích đọc truyện thần tiên như thường, vì nhờ đọc truyện chúng có thể xóa bỏ được sự sợ hãi tiên thiên bị bố mẹ ruồng bỏ hoặc giết chết.

Trong cuốn "Vây thì bà phù thủy không ăn thịt tôi" (*So the Witch won't eat me*) mới xuất bản, bà Bloch đưa trên 25 năm kinh nghiệm và khoảng 600 bệnh nhân trẻ em mà kết luận rằng sự sợ hãi bị giết chết của trẻ em rất là quan trọng trong tiến trình phát triển tâm lý của con người lúc còn trẻ thơ, cũng như trong nhiều trục trặc về thần kinh lúc lớn lên.

Bà tuyên bố: "Tôi chưa thấy một bệnh nhân trẻ em nào không mang ít nhiều tâm lý sợ hãi này và lối sống của chúng không được hình thành để vận giải điều sợ hãi đó". Theo bà trẻ em cảm thấy quyền năng về vận đề sống và chết của cha mẹ rất đáng ngại. Chúng biết là nếu giận dữ và bạo động ngược trở lại cha mẹ cũng rất nguy hiểm. Vì vậy tất cả cảm xúc đã được chuyển hóa tới những truyện phù thủy, thần tiên và ma quái.

Đôi khi, nếu đứa trẻ bị bố mẹ hành hạ, nó sẽ tìm tới sự mở mồm tai hại, kể cả mở được đôi phái tính (sex) để cha mẹ nó hài lòng.

Bà Bloch cũng đưa ra một giải thích mới về mặc cảm O-dipe. Bà cho rằng trẻ con quyền luyến bố mẹ không phải để giải trừ các xung động tâm lý về sự loạn luân (incest) như Freud đã giả thiết, mà đó chỉ là một chiến lược tình dục để vượt thắng và kiểm chế được sự đe dọa của cha mẹ.

Freud, theo bà, đã quên mất một điểm quan yếu: là O-dipe suýt bị bố giết chết.

SAMIZDAT KIỂU TÀU

Đã từ lâu nhà cầm quyền Nga khốn đốn vì loại sách báo bí mật tố cáo chế độ độc tài, phổ biến những tác phẩm của các văn thi sĩ được mền chuộng mà bị cấm đoán đến tay người Nga trong nước và độc giả Tây phương ngoài nước.

Bây giờ đến lượt Trung cộng bắt đầu bị thủ văn nghệ Samizdat này quấy phá. Tại Bắc kinh trong thời gian gần đây người ta thấy vào ngày chủ nhật có một số người treo lên bờ "Tuồng Dân chủ" bản tờ tạp chí *Khái Phá* (?) (*Exploration*)

với giá rất rẻ.

Báo do một cây bút tên Wei Jingsheng chủ trương. Nhân vật này đã bị bắt về tội 'phản động', nhưng tờ báo vẫn cứ tiếp tục ra đời.

Hoạt động này được biết là do nhóm Quang hội đề xướng, để chống lại độc tài. Nhóm tổ cáo Đảng Tiêu Bình là phát xít. (Đó là cái mỉa mai : Ngày Giang Thanh cấm tuyệt sách báo, đốt ráo mọi thứ ngoài sách báo cộng sản chính thống, thì không bị tố cáo độc tài. Họ Đảng vừa khế mở cửa tự do liền bị đập ngay vào mặt. Cho nên độc tài mà không đến nỗi đến chốn là khô' thân nhà !)

THẠCH TÂM và TÔNG QUÂN

Chính trị

TÙ NHÂN VÀ CHUYỆN TÙ ĐÂY TẠI VIỆT NAM

Từ đầu năm đến nay hai ông Đoàn Văn Toại và Nguyễn Hữu Hiệu đã đi nhiều nơi từ miền đông Hoa kỳ (Hoa thịnh đốn, Nữu ước...) sang miền tây (Los Angeles, Cựukim sơn v.v...), mở nhiều cuộc nói chuyện để làm sáng tỏ tình hình tại Việt nam hiện nay trước dư luận Mỹ.

Hai ông đã gặp những nhân vật danh tiếng như nhà văn Henry Miller, ca sĩ Joan Baez, cựu bộ trưởng Eugene Rostov, giáo sư Stanley Hoffman v.v..., đã thuyết trình tại các viện đại học lớn như Harvard, Berkeley, Yale v.v..., đã đối thoại với những tay thiên cộng như Don Luce, Gary Porter...

Hoạt động tích cực của hai ông đã ảnh hưởng tốt đẹp đến dư luận Hoa kỳ, khiến cho một số đông đảo người Mỹ bắt đầu để ý đến sự thực đen tối tại Việt nam dưới chế độ cộng sản.

Sau cuộc thuyết trình tại đại học Minnesota, hai ông sẽ tạm nghỉ một thời gian trước khi bắt đầu một đợt hoạt động mới vào mùa thu tới.

HÀ NỘI NHÂN ĐẠO.

Đầu năm 1979 Hà nội mời ông DeHaan, Phó Cao ủy Tị nạn Liên hiệp quốc sang, báo cho biết họ sẵn sàng để dân Việt xuất ngoại đoàn tụ với gia đình. Ông DeHaan loan ... tin vui, dư luận khắp nơi xôn xao, Việt kiều di tản cuống lên. Từ trong hũộc bà con viết thư, đánh điện tới tập ra ngoài, yêu cầu thân nhân làm đơn xin đoàn tụ.

Thiên hạ bán tán, bán tin bán nghi. Thấy thế, Hà nội lại phóng tay đánh luôn phát nữa : Tuyên bố mỗi tháng sẵn sàng cho xuất ngoại 10.000 người.

Dư luận càng sôi nổi, càng phân vân. Thế là thế nào? Phen nay cộng sản únh đứt điểm Tây phương về mặt nhân đạo chẳng? Nước nào ở Tây phương đón nổi mỗi tháng mười nghìn? do nổi ngón đơn nhân đạo của Việt cộng? Họ nói chơi hay nói thiệt mà, cứ nói tới hoài vậy" cả?

Thấy thiên hạ bối rối, Hà nội lại thừa thế phóng luôn một chuồng nữa : Danh sách 10.000 người đầu tiên đã sẵn, có thể lên đường ngay trong vòng mấy tuần tới. Ai chịu đón rước xin rước ngay cho!

Tây phương bối rối, Việt kiều bán lên, nghi ngờ. Có điều chúng ta nghĩ theo quan điểm chúng ta nên gây rắc rối. Hãy thử đứng về phía cộng sản mà suy nghĩ sẽ thấy đơn đoàn tụ hay ra phét.

— Thứ nhất, gạt dư luận Tây phương để được tiếng nhân đạo.

— Thứ nhì, gỡ gạc chút tình cảm của Việt kiều, trong khuôn khổ chính sách Việt kiều van.

— Thứ ba, tổng xuất các phần tử chống đối (Hoa kiều, chẳng hạn) và những phần tử lão nhược, tàn phế, không thể sản xuất. Nhân tiện, cài vào một số cán bộ để ra ngoài mà hoạt động trong giới tị nạn.

— Thứ tư, lột hết tiền bạc gia sản của kẻ ra đi, kiếm một khoản thu đáng kể.

— Thứ năm, nhân xúi Việt kiều ngoài nước và dân chúng trong nước lập đơn xin đoàn tụ mà truy tầm đầy đủ tung tích của những người dân miền Nam có thân nhân ở hải ngoại. Hồ sơ 'quí báu' ấy sẽ dùng về sau khi cần gây áp lực với kiều.

bào ngoài nước, hay cần thanh lọc guồng máy xã hội trong nước.

Như thế không thể bảo ông Dellaan không được việc cho nhà cầm quyền Hà nội.

MỘT GIẢI ĐÁP

Trong khi ông Dellaan và nhà cầm quyền Hà nội tung ra toàn những tin lạc quan về một chính sách nhân đạo thì dân chúng nam Việt nam lặng lẽ 'trả lời' họ bằng cách liêu minh vượt biển nhiều hơn bao giờ hết.

Riêng trong một tháng 4 vừa qua người ta tính ra có đến 33 nghìn người Việt nam và Lào trốn thoát ra ngoài. Trong số ấy có 26.000 người đi bằng đường biển.

JOAN BAEZ VÀ VIỆT NAM

Ngày 30-5-79, Ủy ban Quốc tế Nhân quyền đã công bố một bức thư ngỗ gởi đến chính phủ cộng sản Việt nam, đăng trên bốn tờ báo lớn của Hoa kỳ.

Bức thư mang chữ ký của Joan Baez, chủ tịch Ủy ban, và 83 nhân vật khác, trong số có những văn nghệ sĩ và nhà trí thức tiếng tăm. Nội dung bức thư vạch trần các hành vi chà đạp nhân quyền tại Việt nam hiện nay và yêu cầu nhà cầm quyền chấm dứt sự tù đày và ngược đãi dân chúng.

Ai nấy còn nhớ Joan Baez trước đây là một trong những tay phản chiến có ảnh hưởng tại Mỹ, đã tiếp tay đắc lực Hà nội trong cuộc chiếm cứ nam Việt nam. Joan Baez vừa thức tỉnh sau khi hai chục triệu người Việt nam sa vào hỏa ngục. Tuy vậy, Joan Baez vẫn còn là một kẻ giác ngộ sớm, đáng khen lắm.

TRUYỀN ĐẠI ANH EM XÃ NGHĨA.

Hai nước anh em xa nghĩa họp nhau năm phiên ở Hà nội. Bên này nói bất cứ điều gì bên kia cũng lập tức bác bỏ. Lắc đầu nguầy nguậy: 'Em chả, em chả!'

Tuy vậy mà đôi bên lại thực hiện trao đổi tù binh, điều không thỏa thuận công khai trước bàn hội nghị. Rồi đôi bên lại đặt nhau vào những cuộc họp khác, lần này ở Bắc kinh, vào ngày 25 tháng 6 này.

Về việc trao đổi tù binh, sau ba cuộc trao đổi đầu Hoa thả 725, Việt thả 98. Hai cuộc trao đổi khác sẽ diễn ra vào ngày 13 và 22 tháng 6.

Hoa tuyên bố đã giữ tất cả 1.600 tù binh Việt trong tay,

trong khi ấy Việt bảo chỉ bắt sống được 240 Hoa binh. Hoa bắt nhiều hơn Việt gần 7 lần.

Như thế là thế nào ?

Trong khi đang đánh nhau, Việt cộng cho biết họ giết Hoa binh chết như rạ, con số cộng bộ nghe phát khiếp. Vậy lính Tàu dễ giết mà khó bắt hơn lính Việt, nghĩa là tha chết không chịu để lọt vào tay giặc ? nghĩa là tinh thần cao hơn ?

Nhà cầm quyền Hà nội vừa bắt binh sĩ đi hy sinh khắp các mặt trận, vừa xài xương máu của họ, vừa lăm nhuc bêu xấu họ. Sao đến nỗi thế ?

SINH VIỆT TỬ MIÊN !

Từ sau ngày 5-1-79, người ta đồn rằng Pol Pot đã chết trong trận tấn công của quân cộng sản Việt nam qua Cam-bốt.

Giữa tháng 5-79, ngày 14, chợt ông ta lên tiếng trên đài phát thanh Khô-me đỏ, tuyên bố đã giết được 40.000 quân cộng sản Việt và kêu gọi dân Miên chịu khó giết thêm độ vài chục nghìn nữa trong vòng năm tháng tới để sớm hoàn tất công cuộc thu hồi chủ quyền đất nước.

Người ta còn nhớ trước 1975 các cán binh Bắc Việt bị bắt xăm trên cánh tay bốn chữ 'Sinh Bắc tử Nam'. Bây giờ, có phải nhà nước đang dạy thanh niên Việt nam hồ hởi xăm thêm bốn chữ *Sinh Việt tử Miên* ?

CƠ SỞ PHÁT HÀNH THIÊN THU

Cũng tại đất San Jose kỹ diệu nói trên vừa dựng lên cơ sở phát hành sách báo Việt ngữ, do ông Võ Tấn Anh Văn đảm trách.

Cơ sở hoạt động nhằm mục đích phát huy văn hóa Việt, và va không nhận thù lao.

HỒNG Y MỚI TẠI VIỆT NAM

Sau khi đức hồng y Trịnh như Khuê qua đời, đức Tổng giám mục Hà nội Trịnh văn Căn vừa được đức Giáo hoàng Gioan Phaolô II vinh thăng Hồng y vào ngày 26 tháng 5 vừa qua.

GIÁO HỘI TĂNG GIA HẢI NGOẠI

Đại hội tăng gia Phật giáo Việt anam hải ngoại, sau hai ngày họp tại Hoa thịnh đồn đã quyết định thành lập Giáo hội Tăng gia Việt nam hải ngoại, Quyết định trên được công bố

ngày 6-5-79, nhân dịp lễ Phật đản.

Thành phần Hội đồng giáo phẩm Giáo hội Tăng gia Phật giáo như sau :

Thượng thủ: Hòa thượng Thích Tâm Châu.

Đệ nhất phụ tá : Hòa thượng Thích Thanh Cát.

Đệ nhị phụ tá : Hòa thượng Thích Giác Nhiên.

Tổng thư ký: Thường toạ Thích Giác Đức.

Tổng vụ trưởng Tăng sự: Hòa thượng Thích Giác Nhiên

Tổng vụ trưởng Giám luật : Hòa thượng Thích Thanh Cát

Tổng vụ trưởng Phật học: Hòa thượng Thích Trung Quân

Tổng vụ trưởng Hoằng pháp: Đại đức Thích Tịnh Đức.

Tổng vụ trưởng Hướng dẫn Hội đoàn: Đại đức Thích Tâm Thở.

Tổng vụ trưởng Thanh niên: Thường toạ Thích Giác Đức.

Tổng vụ trưởng giáo san: Đại đức Thích Minh Hạnh.

Tổng vụ trưởng Xã hội : Đại đức Thích Thanh Đàm.

HỒ-BẠCH-VÂN

Lại thu gửi bạn

của Võ Phiến

NGƯỜI VIỆT XUẤT BẢN

Giá mỗi cuốn : \$US. 4.00

Chi phiếu xin để :

Mrs. Ngô-Hồng-Phúc

Post Office Box 486

Westminster, Ca. 92683 (USA)

Hiệp Hội VIETNAMESE ARTISTS ASSOC.
bảo trợ Xuất bản các tác phẩm sau đây:

INK DROPS

(Tức cuốn "*NHỮNG GIỌT MỰC*")
của nhà văn *LÊ-TẤT-ĐIỀU*
bản Anh văn của *JAMES BANERIAN*
Đã phát hành. Giá : \$5.00

Where you can see the whole rainbow

(tức cuốn "*ĐÓNG CỬA TRẦN GIÂN*")
bản Anh văn cũng một dịch giả.
Đang in

Hội sẵn sàng đón nhận các ngân khoản hoặc
ủng hộ, hoặc cho vay, hoặc đặt mua sách.
Những độc giả vui lòng tiếp tay với công cuộc
văn hoá này, xin liên lạc với :

Ông *LÊ SÁNG NGHIỆP*
P.O. Box 19555,
San Diego, Calif. 92119

C Á O L Ō I

Văn Học Nghệ Thuật số 12, vì những lý do riêng, nên không thể ra mắt đúng kỳ hạn, mặc dù chúng tôi đã hết lòng cố gắng.

Chúng tôi thành thực xin quý vị độc giả thông cảm và tha thứ.

VHNT.

ĐỊA CHỈ MỚI
CỦA VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

Tòa báo đã dời đến địa chỉ mới. Vậy kể từ nay, xin quý văn hữu và độc giả chú ý :

* Bài vở xin gửi đến bản báo chủ bút :

Mr. Lê-Tất-Điều

* Thư từ mua báo và chi phiếu xin đề :

Mrs. Ngô-Hồng-Phúc

Cùng một địa chỉ :

Post Office Box 486

Westminster, Ca. 92683 (USA)

THÔNG BÁO *****

Chúng tôi trân trọng báo tin : Hạn mua báo của quý vị chấm dứt sau số

Chúng tôi mong sớm nhận được phiếu mua để tiếp tục gửi báo đến quý vị, hầu khỏi có sự gián đoạn đáng tiếc.

(Nếu không thấy ghi số hết hạn tại mục này trong tờ báo của quý vị, tức là hạn mua báo của quý vị vẫn còn.)

ĐÂY LÀ MỘT BĂNG NHẠC LỊCH SỬ LÀM SỐNG LẠI
CẢ MỘT THUỞ HUY HOÀNG CỦA NƯỚC VIỆT
CHỈ CẦN MỘT BĂNG NHẠC

Những bài hát đi vào lịch sử

LÀ ĐỦ LÂM NỒI ĐÌNH ĐÁM CẢ MỘT BUỔI MEETING

MẶT A.

1. Quốc ca VIỆT NAM CỘNG HÒA (Hợp ca)
2. Chung khúc Việt Nam (Hợp ca)
3. Bình Long anh dũng (Hợp ca)
4. Kontum kiêu hùng (hợp ca)
5. Quảng trị vùng đây (hợp ca)
6. Đoàn quân chiến thắng (hợp ca)
7. Người ở lại Charlie (Nhật Trường, Thanh Lan)
8. Không, anh không chết đâu em (NT, Th-Lan)
9. Kỷ vật cho em (Lệ Thu)
10. Tám thế bài (Thanh Thúy)
11. Người tình không chân dung (Thanh Lan)

MẶT B.

12. Chuyện một đêm (Trang Mỹ Dung)
13. Bà mẹ Gio Linh (Thái Thanh)
14. Bà mẹ Trị Thiên (Nhật Trường)
15. Xin chia buồn (Elvis Phương)
16. Đố quê hương tôi (Elvis Phương)
17. Đêm nguyện cầu (Thanh Vũ)
18. Nối lại quê hương (Diễm Phúc)
19. Hồn sông Gianh (Anh Khoa)
20. Chiêu hồn tử sĩ (Thái Thanh)
21. Quốc ca Việt Nam Cộng Hòa (Hợp ca)

SCOTCH MASTERING TAPE C-94 TRUNG THỰC, BỀN BỈ
GIÁ : 8 MỸ KIM MỘT CUỐN KỂ CẢ CƯỚC PHÍ HẠNG I

LOVINA CÔNG TY
xin kính biểu mỗi hội
đoàn Việt nam một
băng nhạc "Những bài
hát đi vào lịch sử" để
dùng trong các buổi lễ.
Xin quý vị chủ tịch vui
lòng liên lạc với LOVINA
bằng văn thư chính thức.



